

Năm tài chính 2027 (Tháng 4/2027 – Tháng 3/2028) Thành phố Matsudo**HƯỚNG DẪN THỦ TỤC ĐĂNG KÝ NHÀ TRẺ^{*1}****Lịch đăng ký**

Tháng muốn nhập học	Hạn nộp ^{*2}	
	Tại quầy/ gửi đường bưu điện ^{*3} (Cần phải đăng ký trước qua mạng)	Đăng ký trực tuyến qua MyNaPortal
04/2027	30/11/2026 (thứ Hai) ^{*4}	30/11/2026 (thứ Hai) ^{*4}
	Thời gian nộp giấy tờ bổ sung: 01/12/2026 (thứ Ba) ~ 07/12/2026 (thứ Hai) ^{*5}	
05/2027	31/3/2027 (thứ Tư)	31/3/2027 (thứ Tư)
06/2027	30/4/2027 (thứ Sáu)	30/4/2027 (thứ Sáu)
07/2027	31/5/2027 (thứ Hai)	31/5/2027 (thứ Hai)
08/2027	30/6/2027 (thứ Tư)	30/6/2027 (thứ Tư)
09/2027	30/7/2027 (thứ Sáu)	31/7/2027 (thứ Bảy)
10/2027	31/8/2027 (thứ Ba)	31/8/2027 (thứ Ba)
11/2027	30/9/2027 (thứ Năm)	30/9/2027 (thứ Năm)
12/2027	29/10/2027 (thứ Sáu)	31/10/2027 (Chủ nhật)
01 - 03/2028	30/11/2027 (thứ Ba)	30/11/2027 (thứ Ba)

^{*1} Trường hợp tiếp tục đăng ký cho năm tiếp theo, cần làm thủ tục đăng ký lại.

^{*2} Tính là ngày nhận được theo đường bưu điện. Nếu đến sau hạn nộp thì sẽ xét vào tháng tiếp theo.

Lưu ý: Chỉ nhận hồ sơ tại Ban chăm sóc trẻ em *Hoikuka* (tầng 7, tòa Shinkan, Tòa thị chính). Trường hợp đăng ký trực tuyến qua MyNaPortal thì có thể đăng ký bất cứ lúc nào, kể cả ngoài giờ hành chính.

^{*3} Trường hợp đăng ký tại quầy hoặc qua bưu điện đều cần đăng ký trước qua Hệ thống đăng ký trực tuyến thành phố Matsudo. Vui lòng xem trình tự đăng ký ở trang 10 để làm thủ tục.

^{*4} Thủ tục đăng ký trước cho trẻ cần chăm sóc y tế, trẻ khuyết tật nhập học kỳ tháng 4/2027 đã kết thúc.

Vui lòng tham khảo hướng dẫn đăng ký cho năm sau trên trang web.

^{*5} Thời gian tiếp nhận hồ sơ bổ sung cho những người đã nộp hồ sơ đúng hạn trước đó. Chúng tôi sẽ không nhận hồ sơ bổ sung sau thời hạn này.

<BAN PHỤ TRÁCH> **Bộ phận phụ trách đăng ký nhà**

trẻ, Ban chăm sóc trẻ em *Hoikuka*, Phòng Trẻ em tp

Matsudo (Nyushitsu Nyuen Tantoshitsu) SĐT: 047-366-7351

Thời gian tiếp nhận: 09:00 – 16:30

☞ Đến hết tháng 12/2026:

Địa chỉ: 〒271 – 8588, Tầng 7 Shinkan, Tòa thị chính (Matsudo-shi, Nemoto 387-5)

☞ Từ tháng 01/2027: 〒271 – 8588, Tầng 10 Tòa nhà

Kitemitematsudo (Matsudo-shi, Matsudo 1307-1)

Sử dụng phiếu ghi địa chỉ nơi nhận ở bên dưới để dán vào phong bì khi gửi đường bưu điện.

Cắt ở đây	Nộp trong	<宛て先>
	tháng	〒271-8588 松戸市根本387番地の5
	12/2026	「松戸市役所 保育課 入所入園担当室宛て
	trở lại	(令和 年 月申込み在中)」
	Nộp từ	<宛て先>
	tháng	〒271-8588 松戸市松戸1307番地1
01/2027	「松戸市役所 保育課 入所入園担当室宛て	
trở đi	(令和 年 月申込み在中)」	

Mục lục

【1】	Về Trợ cấp giáo dục/trông trẻ	1 ~ 2
(1)	Phân loại nhà trẻ, trường mẫu giáo	
(2)	Phân loại Trợ cấp giáo dục/trông trẻ	
【2】	Hướng dẫn đăng ký	2 ~ 7
(1)	Lý do cần gửi trẻ	
(2)	Hồ sơ đăng ký	
(3)	Giấy tờ cần thiết tùy theo từng trường hợp	
(4)	Về việc xác nhận My Number và xác nhận danh tính	
(5)	Những lưu ý khi gia hạn thời gian nhận trợ cấp nghỉ sinh	
【3】	Cách thức đăng ký	8 ~ 11
(1)	Đăng ký trực tuyến thông qua cổng Myna Portal	
(2)	Đăng ký tại quầy hoặc qua đường bưu điện	
【4】	Trình tự	12 ~ 17
(1)	Nộp đơn đăng ký (đăng ký trợ cấp, đăng ký sử dụng cơ sở trông trẻ)	
(2)	Xác nhận/Kiểm tra thông tin/Xét duyệt việc nhận trợ cấp	
(3)	Xét duyệt hồ sơ	
(4)	Thông báo kết quả chấp thuận gửi trẻ và cấp Trợ cấp giáo dục/trông trẻ	
(5)	Nhập học	
【5】	Lưu ý sau khi được chấp thuận gửi trẻ	18 ~ 20
(1)	Những điểm cần lưu ý	
(2)	Trường hợp mẹ nghỉ sinh khi con đang được gửi nhà trẻ	
(3)	Người đăng ký với lý do công việc, dự định quay lại đi làm sau thời gian nghỉ sinh	
【6】	Học phí	20 ~ 22
(1)	Về học phí (Vui lòng tham khảo “Biểu phí” ở trang 23 ~ 25)	
(2)	Việc trừ từ tài khoản học phí cho nhà trẻ công và nhà trẻ tư nhân	
(3)	Các chi phí khác	
【7】	Về việc miễn học phí	22
【8】	Biểu phí năm tài chính 2027	23 ~ 25
【9】	Danh sách địa điểm trông trẻ	26 ~ 47
【10】	Gửi các phụ huynh đang tìm trường cho con	48 ~ 51
(1)	Những điểm cần lưu ý khi đăng ký gửi trẻ	
(2)	Về nhà trẻ quy mô nhỏ <i>Shokibo shisetsu</i> và trường mẫu giáo <i>Yochien</i>	
(3)	Về hệ thống tư vấn trực tuyến của thành phố Matsudo	
【11】	Thông tin về nhà trẻ, mẫu giáo và các dịch vụ khác	52 ~ 53

【1】 Về Trợ cấp giáo dục/trông trẻ

Để có thể gửi trẻ ở nhà trẻ, trường mẫu giáo, cần đăng ký nhận “Trợ cấp giáo dục/trông trẻ” dựa vào nhu cầu thực tế. Tùy theo loại trợ cấp mà các đối tượng trường đăng ký cũng khác nhau.

(1) Phân loại nhà trẻ, trường mẫu giáo

Trường mẫu giáo <i>Yochien</i>	Là cơ sở thực hiện giáo dục mầm non tạo nền tảng cho giáo dục tiểu học.
Nhà trẻ <i>Hoikusho (en)</i>	Là cơ sở tổ chức trông giữ trẻ do cha mẹ đi làm không thể trông con tại nhà.
Nhà trẻ phức hợp <i>Nintei Kodomoen</i>	Là mô hình kết hợp giữa giáo dục mầm non và trông giữ trẻ, mang cả 2 tính năng của trường mẫu giáo và nhà trẻ.
Nhà trẻ quy mô nhỏ <i>Shokibo Hoiku Jigyo</i>	Là cơ sở trông giữ trẻ quy mô nhỏ khoảng từ 6-19 trẻ, đối tượng là trẻ của lớp 2 tuổi (trẻ đón sinh nhật 2 tuổi vào thời điểm ngày 1 tháng 4)..

(2) Phân loại Trợ cấp giáo dục/trông trẻ

Loại trợ cấp	Đối tượng trẻ được nhận	Cơ sở có thể đăng ký
Loại 1 <i>Ichigo Nintei</i>	Trẻ từ 3 tuổi trở lên chưa đi học tiểu học (Không thuộc Loại 2)	Trường mẫu giáo (※ ₁) và nhà trẻ phức hợp thuộc danh sách cơ sở nhận trợ cấp
Loại 2 <i>Nigo Nintei</i>	Trẻ từ 3 tuổi trở lên có cha mẹ bị bệnh hoặc đi làm cần được chăm sóc	Nhà trẻ và nhà trẻ phức hợp
Loại 3 <i>Sango Nintei</i>	Trẻ dưới 3 tuổi có cha mẹ bị bệnh hoặc đi làm cần được chăm sóc.	Nhà trẻ, nhà trẻ phức hợp và nhà trẻ quy mô nhỏ

★Về trợ cấp Loại 1:

Với Trợ cấp loại 1: người có nguyện vọng gửi trẻ tại Trường mẫu giáo (※₁) hoặc nhà trẻ phức hợp thuộc danh sách cơ sở nhận trợ cấp vui lòng đăng ký trực tiếp với cơ sở. Sau khi có quyết định nhập học, Ban chăm sóc trẻ em (*Hoikuka*) Tòa thị chính thành phố sẽ cấp xác nhận Trợ cấp giáo dục/trông trẻ loại 1. (Từ lúc có quyết định nhập học cho đến trước khi nhập học, vui lòng nộp các giấy tờ sau.)

Đơn đăng ký cấp Trợ cấp giáo dục/trông trẻ kiêm đăng ký nhà trẻ <Mẫu 1>
Giấy tờ chứng minh hoàn cảnh ghi tại trang 4 ~5 (chỉ trường hợp thuộc mục từ 1~17)

【Thông báo miễn học phí】

Trẻ đang được gửi tại Trường mẫu giáo (※₁) hoặc nhà trẻ phức hợp (trợ cấp loại 1) thuộc danh sách cơ sở nhận trợ cấp, khi sử dụng các dịch vụ trông trẻ theo giờ, hoặc cơ sở ngoài quy chuẩn của thành phố (Ninkagai) có thể nhận trợ cấp tiền gửi trẻ nếu đủ tiêu chuẩn. Để được nhận trợ cấp, cần có lý do gửi trẻ (※₂) và nhận trợ cấp “Tiền sử dụng cơ sở”.

※₁ Trường mẫu giáo đã chuyển sang chế độ hỗ trợ nuôi dạy trẻ mới.

Quét mã code bên phải để biết về danh sách các trường.

※₂ Lý do gửi trẻ giống với Trợ cấp giáo dục/trông trẻ (tham khảo lý do cần gửi trẻ ở trang 2)



★Về Trợ cấp loại 2 và 3

Trường hợp nhận Trợ cấp loại 2 và loại 3, tùy thuộc vào mức độ cần thiết mà sẽ được xếp vào 1 trong 2 hình thức “Thời gian gửi trẻ tiêu chuẩn” hoặc “Thời gian gửi trẻ ngắn”.

●Phân loại thời gian gửi trẻ cần thiết

Phân loại	Thời gian gửi trẻ cần thiết※	Số giờ làm việc (Nếu lý do cần gửi trẻ là đi làm)
Thời gian gửi trẻ tiêu chuẩn	Tối đa 11 tiếng/ngày	Trên 120 tiếng/tháng
Thời gian gửi trẻ ngắn	Tối đa 8 tiếng/ngày	Từ 64 đến dưới 120 tiếng/tháng

※ Thời gian gửi trẻ là phạm vi cần thiết, phù hợp với điều kiện làm việc của cha mẹ, có cân nhắc đến thời gian nghỉ ngơi và thời gian di chuyển (Thời gian trong bảng là thời gian tối đa có thể gửi trẻ)
Trường hợp thời gian gửi trẻ quá thời gian nêu trên sẽ được tính là “Gửi ngoài giờ”

【2】 Hướng dẫn đăng ký

Xác nhận lý do cần gửi trẻ, chuẩn bị hồ sơ và đăng ký. Tham khảo các mục từ (1) ~ (5) dưới đây:

(1) Lý do cần gửi trẻ:

- ① Không làm việc tại nhà hoặc luôn trong tình trạng làm việc khác ngoài việc nhà mà không thể để mắt tới trẻ (Làm việc trên 64 tiếng/tháng)
- ② Đang mang bầu hoặc mới sinh con (kể từ thời điểm thông báo mang thai (sau khi được phát Sổ tay mẹ và bé) cho tới 2 tháng sau khi sinh.) ※ 2 tháng sau sinh sẽ rời khỏi trường.
- ③ Cha mẹ của trẻ bị bệnh, bị thương hoặc có khuyết tật về thể chất, tinh thần.
- ④ Phải chăm sóc người nhà bị bệnh lâu ngày hoặc người nhà có khuyết tật về thể chất, tinh thần
- ⑤ Đang trong quá trình phục hồi sau thảm họa, thiên tai như cháy nhà, động đất, mưa bão,...
- ⑥ Tiếp tục tìm việc làm. (Trường hợp này chỉ nhận trông trẻ trong 3 tháng. Tuy nhiên, nếu tìm được việc và đáp ứng được lý do cần gửi trẻ, có thể nộp các giấy tờ cần thiết muộn nhất tới cuối tháng thứ 2, lấy được xác nhận nhận trợ cấp thì sẽ được tiếp tục gửi trẻ tại nhà trẻ).
- ⑦ Đang đi học ban ngày tại trường đào tạo nghề, trường trung cấp...
- ⑧ Lý do tương tự những lý do nêu trên.

(2) Hồ sơ đăng ký

- ① Bản photo Thẻ My Number...(Giấy tờ xác nhận được số và nhân thân) ※ Tham khảo trang 6
- ② Đơn đăng ký cấp Trợ cấp giáo dục/trông trẻ kiêm đăng ký nhà trẻ < Mẫu 1 >
*** Trường hợp đăng ký tại quầy hoặc bưu điện thì cần “Số đăng ký”. Xem trang 10 để biết cách lấy số đăng ký.**
- ③ Tờ khai thông tin hoàn cảnh gia đình < Mẫu 2 >
- ④ Tờ khai tình trạng sức khỏe của con < Mẫu 3 >
*Trường hợp trẻ cần chăm sóc y tế, trẻ khuyết tật hoặc trẻ cần theo dõi khi gửi ở tập thể thì khai vào < Mẫu 3-2 > . (Tải xuống từ trang web hoặc nhận tại Ban chăm sóc trẻ em Hoikuka)
- ⑤ Bản cam kết liên quan đến sử dụng nhà trẻ, nhà trẻ phức hợp, nhà trẻ quy mô nhỏ < Mẫu 4 >
- ⑥ Bản cam kết liên quan đến việc gửi trẻ < Mẫu 5 >
- ⑦ Giấy tờ chứng minh lý do cần gửi trẻ (Đính kèm giấy tờ trong mục từ 1-8 dưới đây)
※ Cần nộp tất cả giấy tờ của cha, mẹ hoặc người cùng chung sống (ho hàng) từ 18 đến 65 tuổi
 Trường hợp đăng ký cùng lúc cho anh chị em của trẻ, giấy tờ từ ②~④ cần nộp 01 bộ cho mỗi trẻ, giấy tờ ① và từ ⑤~⑦ thì nộp 01 bộ cho cả hộ.

STT	Lý do	Giấy tờ cần thiết	Đánh dấu
1	Làm việc	Giấy xác nhận làm việc (trên 64 tiếng/tháng) ※ Thời hạn hiệu lực của Giấy này về nguyên tắc là 06 tháng tính ngược từ ngày mong muốn nhập học. ※ Trường hợp kinh doanh tự do cần nộp kèm giấy tờ xác minh (Bản sao của Tờ khai màu xanh, Tờ khai bắt đầu hoạt động kinh doanh, Giấy chứng nhận kinh doanh,...) ※ Trường hợp giờ làm việc không cố định do làm theo ca, vui lòng nộp bảng phân công công việc của tháng gần nhất.	☐
2	Mang thai hoặc sinh em bé	1. Thông báo dự sinh 2. Bản sao trang ghi ngày dự sinh trong Sổ tay sức khỏe mẹ và bé ※ Trẻ có thể sẽ phải nghỉ học vào cuối tháng thứ 2, tính từ tháng tiếp theo sau tháng mẹ sinh.	☐
3	Cha mẹ bị bệnh, thương tật	Bản sao của giấy khám sức khỏe hoặc chứng nhận khuyết tật	☐
4	Chăm nom người thân	Tờ khai tình trạng chăm nom ※ Nộp kèm (Giấy khám sức khỏe, Chứng nhận khuyết tật, Sổ khám bệnh, Chứng nhận khuyết tật tâm thần, Bảo hiểm chăm sóc dài hạn, Sổ điều trị, Giấy chứng nhận bệnh nan y,...)	☐
5	Phục hồi sau thảm họa	Giấy chứng nhận nạn nhân thảm họa	☐
6	Tìm việc làm	Tờ khai tìm việc làm (Trường hợp không tìm được việc thì trẻ sẽ nghỉ học vào cuối tháng thứ 3)	☐
7	Đi học	1. Giấy báo trúng tuyển (Trường hợp chưa nhập học) hoặc Giấy xác nhận sinh viên/ Thẻ sinh viên 2. Thời khóa biểu, chương trình học...v.v.	☐
8	Giấy tờ khác	Tùy từng trường hợp	☐

(3) Giấy tờ cần thiết tùy theo từng trường hợp

	Tình trạng gia đình	Giấy tờ cần nộp	Đánh dấu
1	Cha mẹ đơn thân ※Các trường hợp ly hôn, chồng/vợ đã mất, chưa kết hôn	①Tờ khai xác nhận là cha mẹ đơn thân ②Bản sao Sổ hộ khẩu	☐
2	Trường hợp tương đương hộ đơn thân *Bố mẹ ly thân do đang hòa giải ly hôn	①Tờ khai xác nhận là cha mẹ đơn thân cha mẹ đơn thân ②Bản sao giấy đang hòa giải ly hôn, giấy triệu tập...	☐
3	Sống chung nhà với người có Chứng nhận khuyết tật	Bản sao Chứng nhận khuyết tật	☐
4	Sống chung nhà với người có Chứng nhận phục hồi chức năng	Bản sao Chứng nhận phục hồi chức năng	☐
5	Sống chung nhà với người có Chứng nhận khuyết tật tâm thần	Bản sao Chứng nhận khuyết tật tâm thần	☐
6	Trẻ thuộc diện nhận trợ cấp nhi đồng đặc biệt	Bản sao Giấy chứng nhận trợ cấp nhi đồng đặc biệt	☐
7	Sống cùng nhà với người đang nhận trợ cấp lương hưu cơ bản cho người khuyết tật	Bản sao Giấy chứng nhận trợ cấp lương hưu cơ bản cho người khuyết tật	☐
8	Đang nhận trợ cấp sinh hoạt	Giấy chứng nhận hưởng trợ cấp sinh hoạt	☐
9	① Trường hợp có đăng ký thường trú ngoài thành phố Matsudo vào ngày 1/1/2026 ② Trường hợp có đăng ký thường trú ngoài thành phố Matsudo vào ngày 1/1/2027	Nếu không xác nhận được bằng My Number thì có thể phải nộp những giấy tờ sau: ① Giấy chứng nhận chịu thuế cư trú năm 2026 (Giấy báo) (nếu có nguyện vọng nhập học từ tháng 4 - tháng 8) ② Giấy chứng nhận chịu thuế cư trú năm 2027 (Giấy báo) (nếu có nguyện vọng nhập học từ tháng 9 - tháng 3)	☐
10	① Trường hợp có đăng ký thường trú ở nước ngoài vào ngày 1/1/2026 ② Trường hợp có đăng ký thường trú ở nước ngoài vào ngày 1/1/2027	① Giấy tờ chứng minh thu nhập tại nước ngoài năm 2025 do nơi làm việc cấp ② Giấy tờ chứng minh thu nhập tại nước ngoài năm 2026 do nơi làm việc cấp	☐
11	Trường hợp trẻ trong cùng hộ gia đình chưa đến tuổi đi học tiểu học đang học mẫu giáo hoặc đang được gửi ở cơ sở khác (trừ cơ sở quy chuẩn <i>Ninka</i>)	Giấy chứng nhận đang đi học do trường đang học cấp	☐
12	Trường hợp sống ngoài Matsudo nhưng muốn gửi trẻ tại Matsudo	Tờ khai xin Trợ cấp giáo dục/trông trẻ kèm đăng ký nhà trẻ nằm ngoài thành phố	☐
13	Trường hợp muốn gửi ở nhà trẻ trong Matsudo do chuyển đến Matsudo sống	Hợp đồng thuê nhà hoặc mua bán nhà ở nơi chuyển đến hoặc Giấy xác nhận dự định sống	☐

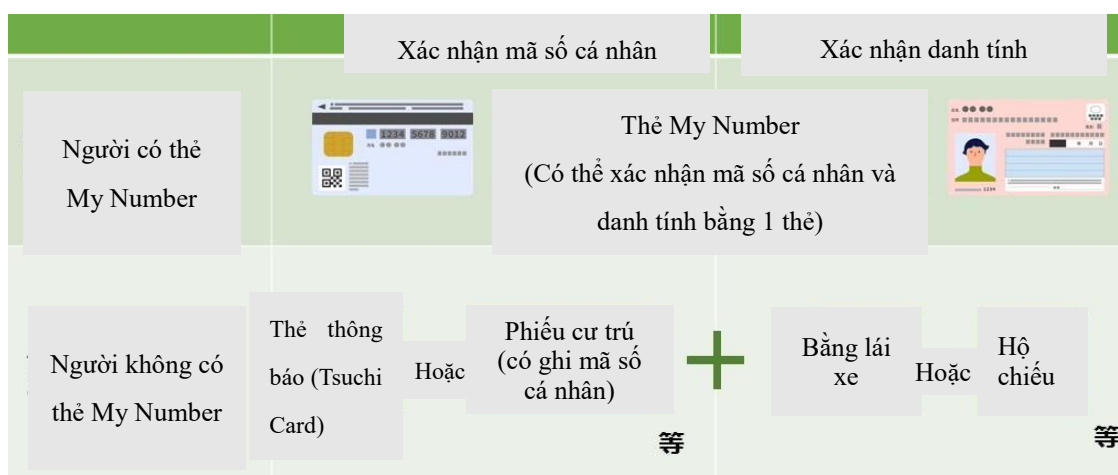
		chung (Trường hợp có dự định sống cùng họ hàng)	
14	Trường hợp không chuẩn bị được giấy tờ cần thiết cho mục 13 nêu trên.	Bản cam kết về việc chuyển chỗ ở	☐
15	Trường hợp người lao động chính trong gia đình thất nghiệp	“Quyết định thôi việc”...v.v.v..	☐
16	Trường hợp bất khả kháng phải sử dụng các cơ sở ngoài quy chuẩn của thành phố	Hóa đơn phí gửi trẻ	☐
17	Trường hợp trẻ, cha/mẹ hoặc người sống cùng có quốc tịch nước ngoài	Bản sao thẻ cư trú (Bản sao Phiếu cư trú có thông tin xác nhận Tư cách lưu trú cũng được chấp nhận) ※Hoặc bản sao chứng nhận vĩnh trú đặc biệt	☐
18	Trường hợp đăng ký với tư cách là cha/mẹ nuôi	Các giấy tờ chứng minh là cha/mẹ nuôi như: Giấy đăng ký cha/mẹ nuôi, Giấy chứng nhận giao trẻ cho cha/mẹ nuôi,...	

(4) Về việc xác nhận My Number và xác nhận danh tính

Dựa theo “Luật về việc sử dụng mã số để xác định cá nhân khi làm thủ tục hành chính” và “Quy định về việc thực thi luật hỗ trợ trẻ em và nuôi dạy trẻ” đã sửa đổi, người sử dụng nhà trẻ cần phải ghi mã số cá nhân (My Number) khi làm thủ tục đăng ký.

Ngoài việc ghi mã số cá nhân vào hồ sơ, khi nộp hồ sơ chúng tôi cần xác nhận thông tin của bố hoặc mẹ (mã số và danh tính), xác nhận mã số cá nhân của 1 người giám hộ nữa và của trẻ. Vì vậy vui lòng photo các giấy tờ cần thiết và dán vào giấy khổ A4 (theo khổ dọc) và nộp kèm.

■ Nộp kèm



- Người có thẻ My Number (có thể xác nhận mã số cá nhân và danh tính bằng 1 thẻ)
Vui lòng nộp bản photo cả mặt trước và mặt sau thẻ My Number.
 - Người không có thẻ My Number (cần phải nộp giấy tờ riêng để xác nhận mã số cá nhân và xác nhận danh tính). Vui lòng nộp kèm các giấy tờ sau.
(Người giám hộ (bố hoặc mẹ) thì cần cả giấy tờ ① và ②, người giám hộ nữa và trẻ thì chỉ cần giấy tờ ①).
 - ① Giấy tờ để xác nhận mã số cá nhân (nộp kèm một trong các giấy tờ sau)
 - Bản photo thẻ thông báo (Tsuchi Card) (được gửi tới nhà từ sau tháng 10/2015)
 - Bản photo Phiếu cư trú có ghi số My Number hoặc Giấy chứng nhận các mục ghi trong Phiếu cư trú
 - ② Giấy tờ để xác nhận thông tin cá nhân (nộp kèm một trong các giấy tờ sau)
 - Bản photo bằng lái xe sao
 - Bản sao hộ chiếu
 - Bản sao Chứng nhận khuyết tật tâm thần
 - Bản sao Chứng nhận phục hồi chức năng
 - Bản sao Chứng nhận khuyết tật cơ thể
 - V.V.V...
- Nếu không thể xác nhận bằng các giấy tờ nêu trên, cần phải nộp 2 trong số các giấy tờ sau:
- Bản photo Giấy chứng nhận tư cách tham gia Bảo hiểm
 - Bản photo chứng nhận trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em
 - Bản photo Thẻ bảo hiểm chăm sóc
 - Bản photo chứng nhận trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em đặc biệt
 - Bản photo sổ lương hưu
 - Các giấy tờ tùy thân khác
 - V.V.V

(5) Những lưu ý khi gia hạn thời gian nhận trợ cấp nghỉ sinh

Vui lòng lưu ý những điều dưới đây khi làm thủ tục gia hạn thời gian nhận trợ cấp nghỉ sinh.

Khi làm thủ tục gia hạn thì cần phải có Giấy bảo lưu gửi trẻ

- Khi làm thủ tục gia hạn thời gian nhận trợ cấp nghỉ sinh thì cần phải có **giấy chứng nhận không thể gửi trẻ do thành phố Matsudo cấp (dưới đây gọi là Giấy bảo lưu gửi trẻ)**.
- **Để thành phố cấp Giấy bảo lưu gửi trẻ thì bắt buộc phải đăng ký gửi trẻ.** Kể cả trường hợp nhà trẻ muốn gửi không còn chỗ thì cũng phải đăng ký. **Nếu không đăng ký đúng hạn** vì bất kể lý do gì thì **thành phố sẽ không thể cấp Giấy bảo lưu gửi trẻ cho tháng đó.** Có trường hợp cần phải có Giấy bảo lưu gửi trẻ khi trẻ được 1 tuổi và khi 1 tuổi 6 tháng. Vui lòng lưu ý để không quên việc đăng ký nhà trẻ.

Trước khi nộp hồ sơ, vui lòng photo và giữ lại

- Khi làm thủ tục gia hạn thời gian nhận trợ cấp nghỉ sinh thì **cần phải nộp bản photo “Đơn đăng ký cấp Trợ cấp giáo dục/trông trẻ kiêm đăng ký nhà trẻ năm 2027” <Mẫu 1>.** **Trước khi nộp hồ sơ, vui lòng photo và giữ lại.** Đối với các giấy tờ cần thiết khác, vui lòng liên hệ với Văn phòng ổn định việc làm (Hello Work).

Lưu ý về hạn nộp hồ sơ

- Về nguyên tắc, hạn chót đăng ký của mỗi tháng là ngày cuối cùng của tháng trước 2 tháng có nguyện vọng gửi trẻ. Tuy nhiên, **hạn chót đăng ký của tháng 1 đến tháng 4 là ngày cuối cùng của tháng 11 của năm trước đó.** Hạn đăng ký khác nhau theo từng tháng nên vui lòng lưu ý. Chi tiết xin tham khảo trang bìa của Hướng dẫn thủ tục đăng ký nhà trẻ.
- **Hồ sơ đăng ký gửi trẻ chỉ có hiệu lực trong năm tài chính (từ tháng 4 đến tháng 3 năm sau), khi sang năm tài chính mới thì cần phải đăng ký lại. Vui lòng chú ý để hồ sơ không bị quá hạn.**

Khác

Về thủ tục gia hạn thời gian nhận trợ cấp nghỉ sinh, vui lòng hỏi người phụ trách tại nơi làm việc hoặc Văn phòng ổn định việc làm (Hello Work). **Thành phố Matsudo không thể giải đáp về việc có thể gia hạn thời gian nhận trợ cấp nghỉ sinh hay không.**

【3】 Cách thức đăng ký

(1) Đăng ký trực tuyến thông qua cổng Myna Portal

Những thứ cần thiết để đăng ký trực tuyến thông qua cổng Myna Portal

- ✧ Thẻ My Number của người đăng ký
- ✧ Một trong các thiết bị dưới đây dùng để đọc thẻ My Number
 - Thiết bị đọc thẻ IC
 - Điện thoại thông minh đã cài đặt ứng dụng Myna Portal

Các giấy tờ cần thiết

Khi đăng ký trực tuyến thì cần phải tải hồ sơ lên mạng.

Bạn nên dùng điện thoại chụp lại hết các giấy tờ và lưu lại dưới dạng ảnh.

- Giấy tờ chứng minh lý do cần phải gửi trẻ (Giấy chứng nhận đi làm, Giấy chẩn đoán bệnh...)
- Giấy tờ xác nhận số My Number của người giám hộ và trẻ đăng ký (trừ người đứng ra làm thủ tục đăng ký trực tuyến).
- Bảng liệt kê giấy tờ (checklist) cần thiết khi đăng ký nhà trẻ (có thể tải xuống từ mẫu đăng ký trực tuyến)
- Các giấy tờ khác nếu cần.

※ Với các giấy tờ từ Mẫu 1 đến Mẫu 5 thì không cần chuẩn bị do lúc làm thủ tục trên Myna Portal thì sẽ khai trực tiếp trên hệ thống.

(Bắt buộc!) Vui lòng đăng ký địa chỉ email trước khi tiến hành làm thủ tục trực tuyến!!

Có thể kiểm tra tình trạng hồ sơ đăng ký từ mục 「やること」 (yaru koto) trên trang Myna Portal. Tuy nhiên, nếu bạn đăng ký email qua chức năng nhận thông báo qua email 「メール通知」 (mail tsuchi) trên trang Myna Portal và chọn nhận thông báo từ cơ quan hành chính 「行政機関等からのお知らせ」 (gyousei kikan nado kara no oshirase) thì sẽ nhận được email thông báo tình trạng hồ sơ đăng ký.

Cách đăng ký

- ① Truy cập vào trang Myna Portal
Quét mã QR ở bên phải để truy cập.
- ② Chọn địa phương
Chọn tỉnh Chiba → Thành phố Matsudo
- ③ Tìm từ khóa
Từ màn hình tìm kiếm 「さがす」 (sagasu), nhập dòng chữ 「保育施設等の利用申込」 để tìm kiếm.
- ④ Chọn mẫu đơn đăng ký
Chọn mục 「詳しく見る」 ở 「保育施設等の利用申込」.
- ⑤ Bắt đầu làm thủ tục
Đăng nhập, đọc hướng dẫn đăng ký và tiến hành làm thủ tục.
- ⑥ Kiểm tra nội dung đã điền



Tại Bước 4 Kiểm tra nội dung đã điền 「step 4 入力内容確認」, hãy kiểm tra xem nội dung đã điền có chỗ nào sai sót không. Nếu có thì chọn nút chỉnh sửa 「訂正」 để sửa lại.

⑦ Tải giấy tờ đính kèm

Vui lòng tải các giấy tờ cần thiết lên.

⑧ Lưu lại dữ liệu trong lúc điền hồ sơ (rất quan trọng).

Tại Bước 5 「step 5 添付書類登録」, sau khi tải các giấy tờ cần thiết lên thì bấm vào nút 「入力中の申請データを保存する」 (ô khoanh đỏ như hình bên phải) để lưu lại dữ liệu.

※ Nhớ phải lưu lại dữ liệu trước khi chuyển sang bước tiếp theo.

※ Trường hợp nội dung đăng ký có thiếu sót, có thể chúng tôi sẽ yêu cầu đăng ký lại (要再申請). Khi đăng ký lại sẽ cần đến các dữ liệu đăng ký đã lưu trước đó. Nếu không lưu lại dữ liệu thì sẽ phải đăng ký lại từ đầu.

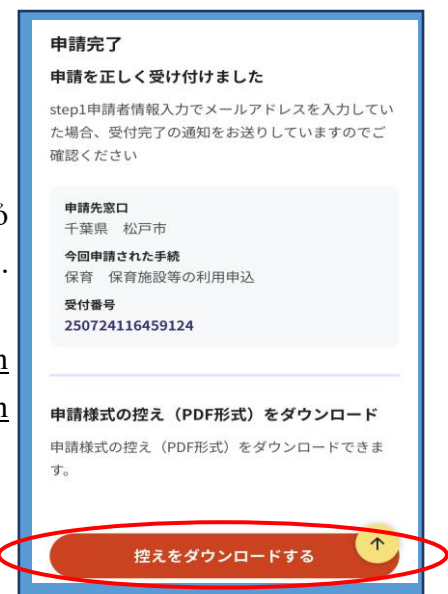
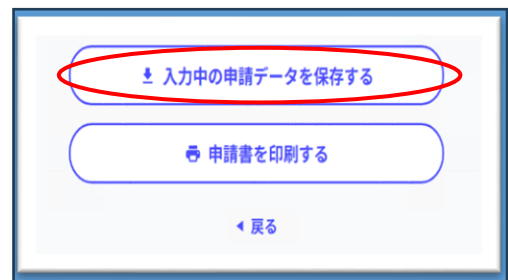
⑨ Ký chữ ký điện tử và đăng ký

Như vậy là hoàn thành việc đăng ký.

⑩ Tải hồ sơ đăng ký về

Sau khi đăng ký xong, hãy tải bộ hồ sơ vừa điền về từ nút đỏ khoanh tròn như hình bên phải 「控えをダウンロードする」. Lưu ý: chỉ có thể tải hồ sơ đã điền từ màn hình này.

※ Trường hợp muốn gia hạn thời gian nhận trợ cấp nghỉ sinh thì cần phải nộp bản sao Đơn đăng ký gửi trẻ nên đừng quên tải và lưu lại hồ sơ vừa điền.



Cách kiểm tra tình trạng hồ sơ

Có thể kiểm tra tình trạng hồ sơ đã nộp trên cổng Myna Portal.

① Từ trang đầu, chọn mục 「やること」 (yaru koto)

② Chọn thủ tục đang nộp hồ sơ và muốn kiểm tra tình trạng

③ Kiểm tra tình trạng hồ sơ

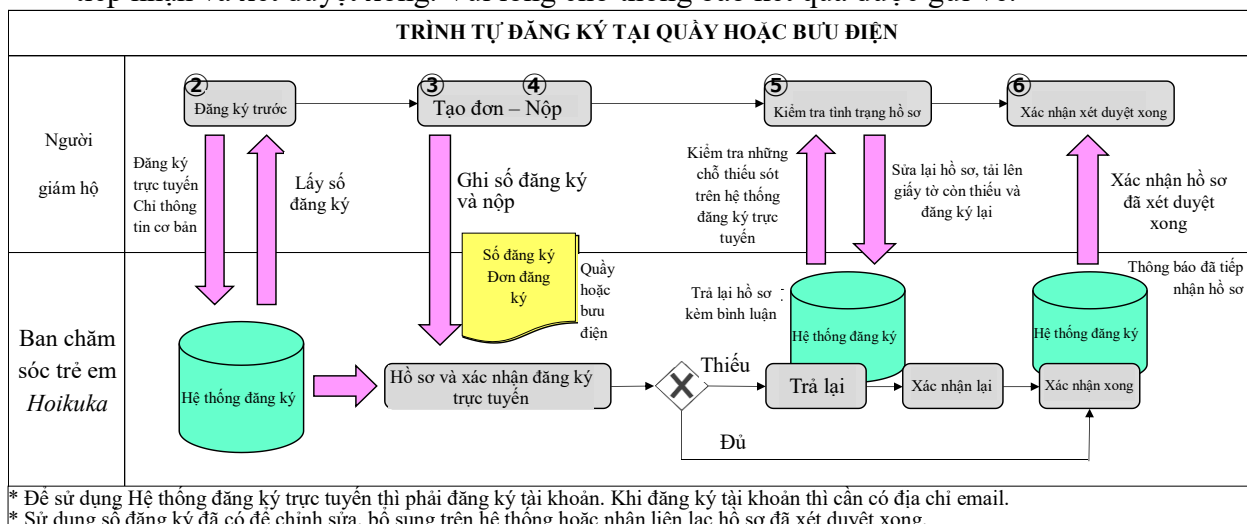
Tình trạng hồ sơ	Diễn giải
Đang xử lý	Đang tiếp nhận và xử lý hồ sơ
Hoàn thành	Hồ sơ đã được xử lý xong và được thông qua
Cần đăng ký lại	Trong hồ sơ đăng ký có sai sót, cần phải sửa lại (đăng ký lại)

※ Trường hợp “Cần đăng ký lại” thì có thể sử dụng các dữ liệu đăng ký đã lưu lại trên máy tính hoặc trên điện thoại để đăng ký lại. Chọn mục Sử dụng dữ liệu đăng ký để đăng ký lại 「申請データを使用して再申請」 để làm thủ tục. Nếu không lưu lại dữ liệu thì phải đăng ký lại từ đầu.

(2) Đăng ký tại quầy hoặc qua đường bưu điện

Kể cả đăng ký tại quầy hoặc qua đường bưu điện cũng cần phải đăng ký trước qua mạng bằng Hệ thống đăng ký trực tuyến của thành phố Matsudo. Vui lòng tìm hiểu trình tự đăng ký ở bên dưới và làm thủ tục đăng ký.

- ① Đăng ký sử dụng Hệ thống đăng ký trực tuyến của thành phố Matsudo
Quét mã QR ở bên phải để truy cập vào Hệ thống đăng ký trực tuyến của thành phố Matsudo. Khi đăng ký thì cần có địa chỉ email.
- ② Đăng ký trước qua Hệ thống đăng ký trực tuyến của thành phố Matsudo (để lấy số đăng ký). Trên hệ thống, vào phần Đăng ký trước để nộp tại quầy hoặc qua đường bưu điện 「窓口及び郵送による利用申込の事前申請」, sau đó vào phần Đơn đăng ký cấp Trợ cấp giáo dục/trông trẻ kiêm đăng ký nhà trẻ 「施設型給付・地域型保育給付費等 教育・保育給付認定申請 兼 利用申込 にかかる事前申請」 để làm thủ tục đăng ký trước. Sau khi hoàn tất thủ tục, số đăng ký sẽ được gửi về email. Vui lòng giữ lại số đăng ký.
- ③ Tạo đơn đăng ký (có ghi số đăng ký)
Tham khảo Mục 【2】 Hồ sơ đăng ký (từ trang 2~7) để làm hồ sơ. Ở Mẫu 1, vui lòng điền số đăng ký lấy được ở Bước ② ở ô “Số đăng ký” phía trên, bên phải. Chúng tôi không tiếp nhận hồ sơ không có mã đăng ký.
- ④ Nộp hồ sơ (nộp tại quầy hoặc qua đường bưu điện)
Mang hồ sơ tới quầy của Ban chăm sóc trẻ em *Hoikuka* hoặc gửi qua đường bưu điện.
※Thời gian tiếp nhận tại quầy: 09:00 – 16:30, từ thứ Hai đến thứ Sáu
- ⑤ Kiểm tra tình trạng hồ sơ đăng ký
Sau khi nộp hồ sơ xong, có thể kiểm tra tình trạng hồ sơ từ Hệ thống đăng ký trực tuyến của thành phố Matsudo. Tình trạng hồ sơ sẽ được hiện thị như dưới đây.
“Tạm tiếp nhận”....Trước khi Ban chăm sóc trẻ em *Hoikuka* xác nhận đã nhận được hồ sơ
“Đang duyệt”.....Ban chăm sóc trẻ em *Hoikuka* đã nhận được hồ sơ và đang xét duyệt
“Trả lại”.....Ban chăm sóc trẻ em *Hoikuka* thấy hồ sơ còn thiếu sót, đang yêu cầu chỉnh sửa
“Hoàn thành”.....Ban chăm sóc trẻ em *Hoikuka* đã duyệt xong hồ sơ, thủ tục đăng ký đã hoàn thành
※Trường hợp hồ sơ bị “Trả lại”, vui lòng bổ sung, chỉnh sửa lại hồ sơ như theo yêu cầu ghi trong tin nhắn gửi từ Ban chăm sóc trẻ em *Hoikuka* hoặc nộp lại hồ sơ.
- ⑥ Xác nhận hồ sơ đã xét duyệt xong
Khi trên hệ thống hiển thị trạng thái “Hoàn thành” (手続き完了) thì có nghĩa là hồ sơ đã được tiếp nhận và xét duyệt xong. Vui lòng chờ thông báo kết quả được gửi về.



Để tránh tình trạng nhiều người tập trung tại quầy

1. Cập nhật trên mạng tình trạng đông đúc tại quầy

Có thể lên mạng kiểm tra tình trạng đông đúc tại quầy làm thủ tục!

Tùy loại thủ tục tại mà thời gian chờ đợi có thể rất dài.

Trước khi tới làm thủ tục, vui lòng kiểm tra tình hình tại quầy qua hệ thống hướng dẫn để tránh đến làm thủ tục vào lúc đông người.

Quét mã QR ở bên phải để kiểm tra tình trạng tại quầy

Ngày và khung giờ đông

- Ngày cuối tháng (trước hạn nộp hồ sơ)
 - Ngày thứ Hai, thứ Sáu, trước và sau ngày lễ
 - 10 giờ sáng ~ 2 giờ chiều
 - Đặc biệt đông: Giữa đến cuối tháng 11
- ※ Quầy mở cửa từ 8h30 đến 17h

Có thể kiểm tra trên điện thoại là khi nào tới lượt mình.

Sau khi tiếp nhận sẽ được phát phiếu ghi số thứ tự.

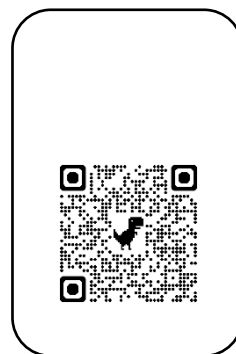
Quét mã QR trên phiếu sẽ biết được có bao nhiêu người đang đợi, tính theo thời gian thực.

Khi quầy đông, bạn sẽ nhận được thông báo qua LINE hoặc email khi gần đến số thứ tự của bạn. (cần phải đăng ký nhận thông báo)

Quét mã QR trên phiếu ghi số thứ tự, chọn đăng ký nhận thông báo

「呼出通知の登録」 để nhận thông báo khi gần đến số thứ tự.

Nhờ vậy, kể cả rời khỏi quầy thì bạn vẫn biết được là sắp đến số thứ tự của mình.



2. Có thủ tục có thể làm mà không cần đến trực tiếp

Nộp đơn xin đi nhà trẻ lần đầu

Có thể My Number → Đăng ký trực tuyến từ cổng Myna Portal

Không có thể My Number → Nộp hồ sơ qua đường bưu điện

Bổ sung, thay đổi, xóa trường muốn đăng ký/nộp bổ sung hồ sơ

→ Có thể thực hiện trên Hệ thống đăng ký trực tuyến

Tư vấn về việc xin đi nhà trẻ

→ Hệ thống tư vấn trực tuyến (cần phải hẹn trước ít nhất một ngày)



Hệ thống tư vấn
trực tuyến

【4】 Trình tự

Trường hợp nhận Trợ cấp Loại 2 và 3 và có nguyện vọng gửi trẻ, cần đăng ký với Ban chăm sóc trẻ em (Hoikuka) Tòa thị chính thành phố Matsudo. Tham khảo trình tự đăng ký từ ①-⑤.

(1) Nộp đơn đăng ký (đăng ký trợ cấp, đăng ký sử dụng cơ sở trông trẻ)

※ Về nguyên tắc, phải làm thủ tục đăng ký trực tuyến trên cổng Myna Portal trước

- Mặc dù chúng tôi có nhận hồ sơ tại quầy và qua đường bưu điện nhưng bạn vẫn phải làm thủ tục đăng ký trước (đăng ký thông tin cơ bản) trên Hệ thống đăng ký trực tuyến của thành phố Matsudo. Đăng ký xong, bạn sẽ nhận được Số đăng ký. Ghi Số đăng ký đó và hồ sơ và nộp. Tham khảo trang 10 để biết chi tiết các bước làm thủ tục đăng ký.
- Vui lòng ghi địa chỉ và họ tên người gửi (người giám hộ) vào mặt sau của phong bì.
- Trường hợp đến quầy làm thủ tục, vui lòng tránh khung giờ cao điểm (tham khảo trang 11)

【Địa điểm phát hồ sơ đăng ký】

- Có thể tải về từ trang web của thành phố Matsudo
- Lấy tại Quầy thủ tục, Ban chăm sóc trẻ em (Hoikuka)
- Cơ sở trông trẻ, trường mẫu giáo theo quy chuẩn của thành phố (Ninka Hoikuen)

※ Hạn nộp tính là ngày nhận được theo đường bưu điện (Hạn nộp ghi tại trang đầu tiên của tài liệu này)

Hãy chuẩn bị sớm để nộp hồ sơ được đúng hạn. Trường hợp nộp khi đã quá hạn thì sẽ được xét duyệt vào tháng sau đó.

① Những điểm cần lưu ý khi đăng ký (vui lòng đọc kỹ)

Những điểm liên quan đến sức khỏe

- Nếu cần phải lưu ý trẻ khi gửi do trẻ bị thương, bệnh (gồm cả dị ứng, phải đi khám định kỳ), vui lòng nêu rõ khi nộp hồ sơ. Có thể trao đổi trước với chuyên viên. Tùy trường hợp có thể phải nộp giấy Khám sức khỏe. Ngoài ra, để đảm bảo an toàn, có ít trường nhận trẻ cần chăm sóc y tế. Vì vậy, hãy liên hệ trước.

Trường hợp các anh chị em của trẻ đăng ký cùng lúc

- Trường hợp trong hộ gia đình có từ 2 trẻ trở lên chưa đến độ tuổi đi học, về nguyên tắc sẽ phải làm thủ tục đăng ký gửi trẻ cho tất cả trẻ.

※ Tuy nhiên, nếu thỏa mãn những điều kiện sau thì không cần đăng ký cho tất cả trẻ trong gia đình:

1. Cha mẹ thỏa mãn lý do cần gửi trẻ.

2. Những trẻ không được gửi tại nhà trẻ được đảm bảo về nơi trông giữ trẻ (nhờ người thân, gửi tại các cơ sở trông trẻ ngoài quy chuẩn, cơ sở trông trẻ theo giờ, sử dụng dịch vụ Family Support,...)

Nếu không thỏa mãn những điều kiện trên thì bắt buộc phải đăng ký nhà trẻ cho tất cả trẻ trong gia đình chưa đến tuổi đi học.

Trường hợp muốn bổ sung hồ sơ, thay đổi nhà trẻ đã đăng ký

- Trường hợp muốn bổ sung thêm hồ sơ sau khi đã nộp đơn đăng ký, vui lòng gửi kèm giấy ghi chú về tên của trẻ đăng ký, ngày tháng năm sinh, nhà trẻ nguyện vọng 1, tháng muốn bắt đầu gửi trẻ. Có thể nộp qua Hệ thống đăng ký trực tuyến thành phố Matsudo.
- Trường hợp muốn thay đổi danh sách nhà trẻ muốn gửi, vui lòng đăng ký qua **Hệ thống đăng ký trực tuyến thành phố Matsudo.**
- Trường hợp từ chối kết quả nhập học sau khi đã đồng ý nhập học, **trẻ sẽ bị giảm điểm (trừ 40 điểm) khi xét hồ sơ trong vòng 1 năm sau đó.** Vui lòng cân nhắc kỹ thời điểm gửi trẻ, nhà trẻ muốn gửi trước khi đăng ký.
- Trường hợp từ chối kết quả nhập học sau khi đã đồng ý nhập học, vui lòng liên lạc đến Ban chăm sóc trẻ em *Hoikuka* thành phố Matsudo và trường dự kiến sẽ nhập học, đồng thời nhanh chóng nộp “Đơn xin từ chối việc được nhận vào nhà trẻ” đến Ban chăm sóc trẻ em *Hoikuka* thành phố Matsudo.

Những điểm cần lưu ý khác

- Ngày nhập học theo quy định là ngày 1 hàng tháng.
- Vì tất cả các cơ sở gửi trẻ đều không đủ chỗ đỗ xe, vì vậy, vui lòng xác nhận trước nếu muốn đưa đón trẻ bằng xe ô tô.
- Trường hợp đang đi lánh nạn do bạo hành gia đình, v.v., vui lòng trao đổi với chúng tôi khi đăng ký.
- Chỉ nhận đăng ký trẻ chưa sinh cho đợt nhập trường tháng 4/2027. Vào thời điểm đăng ký, chỉ có thể đăng ký cho trẻ dự sinh từ ngày 3/2/2027 trở lại.
※Hướng dẫn về thủ tục sẽ được đăng tải trên trang web.

② Xếp lớp cho trẻ theo ngày tháng năm sinh

Lớp	Ngày tháng năm sinh
Lớp sơ sinh	02/04/2026 trở đi
Lớp 1 tuổi	02/04/2025 - 01/04/2026
Lớp 2 tuổi	02/04/2024 - 01/04/2025
Lớp 3 tuổi	02/04/2023 - 01/04/2024
Lớp 4 tuổi	02/04/2022 - 01/04/2023
Lớp 5 tuổi	02/04/2021 - 01/04/2022

※Việc xếp lớp sẽ được quyết định dựa vào tuổi của trẻ tại thời điểm ngày 1/4/2026

③ Dành cho cha mẹ đăng ký cơ sở trông trẻ ngoài thành phố Matsudo

Có dự định chuyển ra khỏi Matsudo trước ngày 1 của tháng muốn gửi trẻ

Vui lòng đăng ký trực tiếp với ban phụ trách trông trẻ của địa phương nơi đăng ký gửi trẻ. Các vấn đề như hồ sơ, hạn nộp....vui lòng liên hệ với ban phụ trách trông trẻ của địa phương nơi đăng ký gửi trẻ.

Không có dự định chuyển ra khỏi Matsudo trước ngày 1 của tháng muốn gửi trẻ

Vui lòng liên hệ với ban phụ trách trông trẻ của địa phương nơi đăng ký gửi trẻ các nội dung sau trước khi nộp hồ sơ tại thành phố Matsudo.

<Thông tin cần xác nhận>

- Hạn chót để đăng ký (※Vui lòng nộp hồ sơ đăng ký cho thành phố Matsudo 10 ngày trước hạn chót để đăng ký)
- Có thể đăng ký từ thành phố Matsudo không?
- Mẫu hồ sơ là mẫu của địa phương nơi muốn gửi trẻ hay mẫu của thành phố Matsudo

<Giấy tờ cần thiết>

- Giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của địa phương nơi đăng ký
(Trường hợp địa phương nơi đăng ký không yêu cầu thì nộp theo mẫu của thành phố Matsudo.)
- Tờ khai xin cấp Trợ cấp giáo dục/trông trẻ kiêm đăng ký nhà trẻ nằm ngoài thành phố (Theo mẫu của thành phố Matsudo; Có thể tải từ trang web)

④ Dành cho cha mẹ không sinh sống Matsudo đăng ký cơ sở trông trẻ trong thành phố

Trường hợp dự định chuyển đến Matsudo trước ngày 1 của tháng muốn gửi trẻ

Vui lòng chuẩn bị hồ sơ đăng ký theo mẫu của Matsudo và đăng ký trực tiếp với Matsudo.

<Giấy tờ cần nộp>

- Hồ sơ đăng ký theo mẫu của thành phố Matsudo (Tham khảo trang 3)
- Tờ khai cấp xin Trợ cấp giáo dục/trông trẻ kiêm đăng ký nhà trẻ nằm ngoài thành phố (Theo mẫu của thành phố Matsudo; Có thể tải từ trang web)
- Bản sao Hợp đồng thuê nhà hoặc hợp đồng mua bán nhà; Giấy xác nhận dự định sống chung (Theo mẫu của thành phố Matsudo; Có thể tải từ trang web)
- ※Chỉ những trường hợp không thể nộp bản sao hợp đồng thuê nhà hoặc hợp đồng mua nhà thì có thể nộp “Bản cam kết chuyển đến” (Theo mẫu của thành phố Matsudo; Có thể tải từ trang web)

Trường hợp không có dự định chuyển đến Matsudo trước ngày 1 của tháng muốn gửi trẻ

Do cần phải đăng ký thông qua địa phương nơi mình đang sinh sống nên cần tiến hành thủ tục đăng ký sớm trước 10 ngày so với hạn nộp tại thành phố Matsudo. Xác nhận với địa phương nơi sinh sống để biết về mẫu đăng ký.

<Giấy tờ cần nộp>

- Bộ hồ sơ giống như được địa phương nơi sinh sống hướng dẫn
(Trường hợp địa phương nơi sinh sống không yêu cầu thì nộp bằng mẫu của thành phố Matsudo.)
- Tờ khai xin cấp Trợ cấp giáo dục/trông trẻ kiêm đăng ký nhà trẻ nằm ngoài thành phố (Theo mẫu của thành phố Matsudo; Có thể tải từ trang web)

(2) Xác nhận/ Kiểm tra thông tin/ Xét duyệt việc nhận trợ cấp

Căn cứ trên giấy tờ đã nộp, chúng tôi sẽ quyết định xem trẻ có được nhận trợ cấp hay không. Trường hợp thông tin chưa rõ ràng hoặc còn thiếu trong hồ sơ, chúng tôi có thể sẽ liên lạc qua điện thoại với cha mẹ hoặc nơi làm việc của cha mẹ để xác nhận tình trạng làm việc.

Nếu hồ sơ nộp thiếu có thể sẽ không được xét đăng ký gửi trẻ, vì vậy hãy kiểm tra kỹ các mục giấy tờ cần nộp tại trang 3 - 5.

(3) Xét duyệt hồ sơ

Dựa trên nội dung hồ sơ đăng ký, giấy tờ chứng minh lý do cần gửi trẻ, chúng tôi sẽ tính điểm số và quyết định thứ tự ưu tiên của người đăng ký và sắp xếp cơ sở trông trẻ. Quy định về thang điểm có đăng tải trên trang web của thành phố. Chi tiết vui lòng tham khảo trên trang web của thành phố.

(4) Thông báo kết quả chấp thuận gửi trẻ và cấp Trợ cấp giáo dục/trông trẻ

Ban chăm sóc trẻ em *Hoikuka* sẽ gửi thông báo chấp thuận gửi trẻ cùng với thông báo được nhận Trợ cấp giáo dục/trông trẻ.

※ Trường hợp được chấp thuận gửi trẻ

- Sẽ có giấy thông báo được chấp thuận gửi trẻ gửi về nhà 『施設等利用調整結果通知書（利用承諾）』（Shisetsuto Riyo Chosei Kekka Tsuchisho (Riyo Shodaku))

※ Trường hợp bảo lưu

- Thông báo bảo lưu nhập học 『入所保留通知書』（Nyusho Horyu Tsuchisho) sẽ được gửi 1 lần vào khoảng ngày 20 của tháng trước tháng có nguyện vọng đăng ký gửi trẻ. (Trường hợp đăng ký gửi trẻ vào tháng 3, 4 sẽ được gửi vào đầu tháng 2)

• Những tháng sau trong cùng năm tài chính (từ tháng 4 đến tháng 3 năm tiếp theo), chúng tôi sẽ tiếp tục thực hiện sắp xếp nhà trẻ. Nếu có nguyện vọng gửi vào năm tài chính tiếp theo thì cần phải nộp hồ sơ đăng ký lại.

- Trong các đợt xét duyệt từ tháng tiếp theo, chúng tôi sẽ không gửi giấy thông báo bảo lưu nữa. Trường hợp cần giấy báo, vui lòng liên hệ với Ban chăm sóc trẻ em *Hoikuka* vào khoảng sau ngày 20 của tháng trước tháng có nguyện vọng gửi trẻ.

- Vui lòng liên lạc nếu có thay đổi nội dung đăng ký. Trường hợp không còn lý do để gửi trẻ hoặc không cần gửi trẻ nữa, vui lòng vào Hệ thống đăng ký trực tuyến của thành phố Matsudo để làm thủ tục rút hồ sơ.

(5) Nhập học

Cha mẹ được chấp thuận gửi trẻ vui lòng tham gia buổi trao đổi và hướng dẫn tại cơ sở được sắp xếp trước khi trẻ nhập học, sau đó tiến hành chuẩn bị nhập học theo như thông tin được hướng dẫn.

【Trình tự cho tới khi nhập học vào **tháng 4/2027**】

※Đối với kỳ nhập học tháng 4/2027, chúng tôi sẽ xét duyệt 2 lần. **Xét duyệt lần 2 chỉ dành cho đối tượng bảo lưu trong**

lần 1. (Trường hợp nộp hồ sơ sau hạn đăng ký cho kỳ nhập học tháng 4 thì sẽ xét duyệt cho kỳ nhập học từ tháng 5)

Tham quan trường

- Cùng con đến tham quan trường có nguyện vọng nhập học để xác nhận phương châm chăm sóc trẻ của trường, thời gian gửi trẻ, các biện pháp với việc dị ứng. Trực tiếp liên hệ với trường để hẹn ngày.

Tư vấn về việc gửi trẻ (khi cần)

- Nhận tư vấn tại quầy và qua điện thoại (Số: 047-366-7351) về việc nhập học (tình trạng trống của các trường, giấy tờ cần thiết khi đăng ký)
- ※Tư vấn về sức khỏe và sự phát triển của trẻ: Chuyên viên tư vấn từ 9:00 ~ 15:00 từ thứ Hai ~ thứ Sáu.

(1) Đăng ký (đăng ký Trợ cấp giáo dục/trông trẻ, đăng ký nhà trẻ)

- Trước khi đăng ký, vui lòng kiểm tra thông tin mới nhất về thủ tục, các trường mới mở...trên trang web.
- Tham khảo tài liệu hướng dẫn thủ tục đăng ký trước khi đăng ký.
- Vui lòng đọc kỹ nội dung trang 12~15 trong tài liệu hướng dẫn thủ tục đăng ký.
- **Sau khi đăng ký, nếu có thay đổi về hoàn cảnh gia đình, sức khỏe của trẻ thì hãy thông báo ngay với chúng tôi.**

Nộp tại quầy và bưu điện: Ngày 30/11/2026
(tính là ngày nhận được)
Nộp trực tuyến: Ngày 30/11/2026

(2) Xác nhận/Kiểm tra thông tin/Xét duyệt việc nhận trợ cấp

- Dựa vào hồ sơ, chúng tôi xác nhận lý do cần gửi trẻ và mức độ cần thiết của việc gửi trẻ.
- Trường hợp hồ sơ bị thiếu hoặc có điểm chưa rõ, có thể chúng tôi sẽ gọi điện để xác nhận nội dung đăng ký, hoàn cảnh gia đình...

(3) Xét duyệt **Lần 1**

- Dựa theo hồ sơ đăng ký, chúng tôi sẽ quyết định thứ tự ưu tiên của người đăng ký theo tiêu chuẩn xét duyệt, sau đó sẽ sắp xếp nhà trẻ theo nguyện vọng của người đăng ký và tình hình thực tế của các cơ sở trông giữ trẻ.

(4) Thông báo kết quả chấp thuận gửi trẻ và kết quả trợ cấp

- Kết quả sẽ được gửi qua đường bưu điện.
- Kết quả nhận trợ cấp gửi trẻ cũng sẽ được gửi kèm.

<Trường hợp được chấp thuận>
Thông báo kết quả (thông báo chấp thuận)

<Trường hợp bảo lưu>
Thông báo kết quả (thông báo bảo lưu)

- Trường hợp bảo lưu của Lần 1 sẽ là đối tượng xét duyệt trong Lần 2.

Có thể thay đổi hoặc bổ sung thêm nguyện vọng nên hãy đăng ký đúng hạn. Nếu không thay đổi hoặc đăng ký thêm thì sẽ xét duyệt như nội dung đăng ký ban đầu.

Xét duyệt **Lần 2**

<Trường hợp được chấp thuận>
Thông báo kết quả (thông báo chấp thuận)

<Trường hợp bảo lưu>
Không có thông báo chấp thuận

- Trường hợp được chấp thuận trong Lần 2 thì sẽ được gửi thông báo qua đường bưu điện.

- **Trường hợp bảo lưu Lần 2 thì sẽ không có thông báo.**
- Việc xét duyệt vẫn được tiếp tục sau tháng 5 (cho đến tháng 3 năm sau). **Sang năm tài chính tiếp theo thì phải đăng ký lại.**
- Trường hợp bảo lưu thì chỉ gửi thông báo vào tháng đầu tiên có nguyện vọng nhập học.

(5) Nhập học

- Có trường hợp sẽ có buổi gặp mặt, buổi hướng dẫn trước khi nhập học tại trường được nhận vào. Vui lòng xác nhận với trường về ngày giờ, đồ dùng cần mang theo.
- Vui lòng đọc kỹ Mục (5) các điểm cần lưu ý sau khi chấp thuận gửi trẻ ở trang 18 - 20 trong tài liệu hướng dẫn đăng ký.
- Thời gian đầu sẽ gửi trẻ thời gian ngắn để trẻ làm quen. Chi tiết vui lòng liên hệ với nhà trẻ.

Thông báo số tiền phải trả (học phí)

- Khoảng giữa tháng 4/2027, chúng tôi sẽ gửi thông báo về số tiền phải trả (tiền học phí)

【Trình tự cho tới khi nhập học vào tháng 5/2027 - tháng 3/2028】

※Với các đợt nhập học kể từ sau tháng 5/2027, mỗi tháng chúng tôi chỉ xét duyệt 1 lần. Nếu nộp hồ sơ đăng ký sau hạn đăng ký mỗi tháng thì sẽ được xét duyệt vào tháng sau đó.

Tham quan trường

- Cùng con đến tham quan trường có nguyện vọng nhập học để xác nhận phương châm chăm sóc trẻ của trường, thời gian gửi trẻ, các biện pháp với việc dị ứng. Trực tiếp liên hệ với trường để hẹn ngày.

Tư vấn về việc gửi trẻ (khi cần)

- Thường xuyên nhận tư vấn tại quầy và qua điện thoại (Số: 047-366-7351) về việc nhập học (tình trạng trông của các trường, giấy tờ cần thiết khi đăng ký)
※Tư vấn về sức khỏe và sự phát triển của trẻ: Chuyên viên tư vấn từ 9:00 ~ 15:00 từ thứ Hai ~ thứ Sáu.

(1) Đăng ký (đăng ký Trợ cấp giáo dục/trông trẻ, đăng ký nhà trẻ)

- Trước khi đăng ký, vui lòng kiểm tra thông tin mới nhất về thủ tục, các trường mới mở...trên trang web.
- Tham khảo tài liệu hướng dẫn thủ tục đăng ký trước khi đăng ký.
- Vui lòng đọc kỹ nội dung ở trang 12 ~ 15 trong tài liệu hướng dẫn thủ tục đăng ký.
- **Sau khi đăng ký, nếu có thay đổi về hoàn cảnh gia đình, sức khỏe của trẻ thì hãy thông báo ngay với chúng tôi.**

Trong thời gian đăng ký
※Phải đến đúng hạn

(2) Xác nhận/Kiểm tra thông tin/Xét duyệt việc nhận trợ cấp

- Dựa vào hồ sơ, chúng tôi xác nhận lý do cần gửi trẻ và mức độ cần thiết của việc gửi trẻ.
- Trường hợp hồ sơ bị thiếu hoặc có điểm chưa rõ, có thể chúng tôi sẽ gọi điện để xác nhận nội dung đăng ký, hoàn cảnh gia đình...

(3) Xét duyệt

- Dựa theo hồ sơ đăng ký, chúng tôi sẽ quyết định thứ tự ưu tiên của người đăng ký theo tiêu chuẩn xét duyệt, sau đó sẽ sắp xếp nhà trẻ theo nguyện vọng của người đăng ký và tình hình thực tế của các cơ sở trông giữ trẻ.

(4) Thông báo kết quả chấp thuận gửi trẻ và kết quả trợ cấp

- Kết quả sẽ được gửi qua đường bưu điện.
Kết quả nhận trợ cấp gửi trẻ cũng sẽ được gửi kèm.

Xét duyệt ở các
tháng tiếp theo cho
đến tháng 3 năm sau

<Trường hợp được chấp thuận>
Thông báo kết quả (thông báo chấp thuận)

<Trường hợp bảo lưu>
Thông báo kết quả (thông báo bảo lưu)

- Trường hợp bảo lưu thì vẫn xét duyệt cho đến tháng 3 năm sau. **Sang năm tài chính tiếp theo thì phải đăng ký lại.**
- Trường hợp bảo lưu thì chỉ gửi thông báo vào tháng đầu tiên có nguyện vọng

(5) Nhập học

- Có trường hợp sẽ có buổi gặp mặt, buổi hướng dẫn trước khi nhập học tại trường được nhận vào.
Vui lòng xác nhận với trường về ngày giờ, đồ dùng cần mang theo.
- Vui lòng đọc kỹ Mục (5) các điểm cần lưu ý sau khi chấp thuận gửi trẻ ở trang 18 ~ 20 trong tài liệu hướng dẫn đăng ký.
- Thời gian đầu sẽ gửi trẻ thời gian ngắn để trẻ làm quen. Chi tiết vui lòng liên hệ với nhà trẻ.

Thông báo số tiền phải trả (học phí)

- Khoảng giữa tháng của tháng nhập học, chúng tôi sẽ gửi thông báo về số tiền phải trả (tiền học phí)

【5】 Lưu ý sau khi được chấp thuận gửi trẻ

(1) Những điểm cần lưu ý

- Trường hợp phát hiện có điểm không trung thực trong nội dung đăng ký, có thể sẽ bị hủy kết quả.
Ngoài ra, về tình trạng sức khỏe của trẻ, sau khi có kết quả, nếu chúng tôi phát hiện thấy có sự khác biệt với nội dung khai trong Mẫu số 3 hoặc Mẫu 3-2, có thể kết quả sẽ bị hủy.
- Sau khi nhận được kết quả chấp thuận gửi trẻ nhưng lại chuyển nhà khỏi thành phố Matsudo trước khi trẻ nhập học thì có thể sẽ bị hủy kết quả.
- Nếu không còn thỏa mãn lý do gửi trẻ, trẻ sẽ phải nghỉ học.
- Nếu tình trạng gia đình (địa chỉ, thông tin liên lạc, tình trạng công việc) thay đổi, hãy liên lạc với nhà trẻ và Ban chăm sóc trẻ em *Hoikuka*.
- Để xác nhận lý do cần gửi trẻ do làm việc, sau khi bắt đầu gửi trẻ, cán bộ phụ trách vẫn có thể tiến hành kiểm tra lý do cần gửi trẻ và có thể gọi tới nơi làm việc. Vì vậy kính mong nhận được sự hợp tác cha mẹ.
- Để giúp trẻ làm quen với trường lớp và môi trường tập thể, bước đầu khi đi học, các nhà trẻ sẽ thực hiện chương trình “Giúp trẻ làm quen” 「慣らし保育」 (Narashi Hoiku) với thời gian trông trẻ ngắn sau đó tăng dần đều. (Thời gian khác nhau tùy từng trường và tùy từng trẻ).
Tuy thời gian gửi trẻ rút ngắn nhưng **học phí sẽ không thay đổi.**
- Khi cha mẹ nghỉ việc và tìm việc mới hoặc khi được nghỉ phép để chăm con thì thời gian gửi trẻ sẽ được chuyển sang “Thời gian gửi trẻ ngắn”.
- Trường hợp trẻ nghỉ học 2 tháng liên tục thì sẽ không được gửi nữa.

(2) Trường hợp mẹ nghỉ sinh khi con đang được gửi nhà trẻ

- Trường hợp sau khi gửi trẻ thì mẹ sinh con (sau con thứ 2) và được nghỉ phép để chăm con, về nguyên tắc mẹ sẽ quay trở lại làm việc khi đưa con mới sinh được 18 tháng tuổi nên dù đang được nghỉ phép để chăm con thì vẫn có thể tiếp tục gửi trẻ lớn đi nhà trẻ.
※Ngoại lệ: Trường hợp khi mẹ sinh em bé và trẻ lớn đang học ở lớp trên 3 tuổi, do tính cần thiết của việc sinh hoạt tập thể cho trẻ trước khi vào lớp 1, kể cả trường hợp mẹ có thể nghỉ chăm em bé mới sinh trên 18 tháng thì vẫn có thể tiếp tục gửi trẻ lớn đi nhà trẻ.
- Về nguyên tắc, chúng tôi không tiếp nhận việc xin chuyển trường trong thời gian mẹ đang nghỉ sinh. Tuy nhiên, với các trường hợp như dưới đây thì chúng tôi có thể nhận đơn xin chuyển trường.
 - a) Trường hợp mẹ sẽ quay lại đi làm trong vòng 1 tháng sau khi con chuyển trường
 - b) Trường hợp có thay đổi về lý do cần gửi trẻ ngoài lý do nghỉ sinh con
 - c) Trường hợp trẻ hết thời gian học ở nhà trẻ quy mô nhỏ hoặc nhà trẻ tư nhân khi đến 2 tuổi.
 - d) Trường hợp chuyển chỗ ở nên việc đưa trẻ tới nhà trẻ hiện tại gặp khó khăn.
- Trường hợp được đồng ý chuyển trường, khi việc rời khỏi trường đang theo học đã được quyết định thì sẽ không thể quay lại trường cũ do chúng tôi sẽ giới thiệu trường đó cho trẻ trong danh sách chờ. Trường hợp thấy không cần chuyển trường, vui lòng rút đơn xin chuyển trường.

(3) Người đăng ký với lý do công việc, dự định quay lại đi làm sau thời gian nghỉ sinh

- Trường hợp trẻ được nhận vào học, vui lòng quay trở lại nơi làm việc ghi trên Giấy xác nhận đi làm (就労証明書 Shuro Shomeisho) trước ngày 1 của tháng sau tháng trẻ nhập học (nếu ngày 1 là ngày thứ Bảy, Chủ nhật, ngày lễ thì tính là ngày thường đầu tiên sau đó).
- Trường hợp không thể quay trở lại đi làm trước ngày 1 của tháng sau tháng trẻ nhập học (nếu ngày 1 là ngày thứ Bảy, Chủ nhật, ngày lễ thì tính là ngày thường đầu tiên sau đó) thì có thể sẽ bị rút lại kết quả nhập học.
- Sau khi trẻ đi học, hãy nộp Giấy xác nhận đi làm lại (復職証明書 Fukki Shomeisho) trong vòng 1 tháng kể từ sau khi đi làm trở lại cho nhà trường hoặc cho Ban chăm sóc trẻ em *Hoikuka*. (Theo mẫu của thành phố Matsudo; Có thể tải từ web của thành phố)

<<Các ví dụ thường gặp>>

Trường hợp dự định quay lại đi làm sau thời gian nghỉ sinh thì sẽ được cộng thêm điểm khi xét duyệt.

Do vậy, việc có quay trở lại đi làm sau thời gian nghỉ sinh hay không, điều kiện đi làm (số ngày và giờ giấc đi làm) có ảnh hưởng rất lớn đến việc xét duyệt.

Dưới đây là một số ví dụ về việc quay trở lại đi làm, vui lòng xác nhận.

Ví dụ ① Trường hợp việc quay trở lại đi làm ảnh hưởng tới việc trẻ có được nhận hay không

(Tiền đề) Đang làm ở công ty A và nghỉ sinh con.

Trường hợp sau khi con đi nhà trẻ thì bắt đầu đi làm lại với số ngày, số giờ không thay đổi.

	Khả năng nhận trẻ	Nơi làm việc sau khi trẻ được nhận
a	○	Quay lại làm ở công ty A
b	○	Quay lại làm ở công ty A, từ tháng tiếp theo chuyển sang công ty B
c	×	Không quay lại làm ở công ty A mà chuyển sang công ty B
d	×	Không quay lại làm ở công ty A mà xin nghỉ việc (chuyển sang tìm việc)

Trường hợp (b), do đã quay lại làm ở công ty A rồi mới chuyển sang công ty B nên trẻ có thể được nhận vào nhà trẻ. Trường hợp (c), do không quay lại làm ở công ty A mà lại vào làm ở công ty B, không giống với Giấy chứng nhận đi làm đã nộp nên điểm xét hồ sơ là “Được nhận vào làm”, không còn là đối tượng cộng điểm “sau khi nghỉ sinh”. Trường hợp (d) cũng tương tự như trường hợp (c), không quay lại làm ở công ty A mà nghỉ việc nên điểm xét hồ sơ là “Đang tìm việc”, không còn là đối tượng cộng điểm “sau khi nghỉ sinh”. Do đó, trường hợp (c) và (d) vì có điểm xét duyệt khác với điểm ban đầu nên kết quả nhận trẻ có thể sẽ bị hủy.

Ví dụ ② Trường hợp số ngày và giờ giấc đi làm ảnh hưởng tới việc trẻ có được nhận hay không

(Tiền đề) Trường hợp quay trở lại đi làm khi vẫn đang trong thời gian nghỉ sinh.

	Khả năng nhận trẻ	Điều kiện sau khi quay trở lại đi làm
e	○	Điều kiện giống như nội dung đã ghi trong Giấy chứng nhận đi làm khi nộp hồ sơ
f	○	Quay lại làm việc và sử dụng chế độ rút ngắn thời gian làm việc để trông con của công ty (không có thay đổi về số ngày, giờ giấc dựa trên hợp đồng lao động có ghi trong Giấy chứng nhận đi làm khi nộp hồ sơ)
g	×	Quay lại làm việc nhưng hợp đồng tuyển dụng thay đổi với thời gian làm việc ngắn hơn so với nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đi làm khi nộp hồ sơ

Trường hợp (f), tuy được sử dụng chế độ rút ngắn thời gian làm việc để trông con nhưng do không có sự thay đổi về số ngày, giờ giấc làm việc theo như hợp đồng lao động nên không ảnh hưởng tới việc xét duyệt. Do đó vẫn được coi là quay trở lại làm việc với điều kiện giống như nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đi làm khi nộp hồ sơ nên vẫn có thể gửi trẻ.

Trường hợp (g), do hợp đồng lao động ghi trên Giấy chứng nhận đi làm khi nộp hồ sơ chuyển sang làm thời gian ngắn hơn nên điểm xét duyệt khác với điểm xét duyệt ban đầu nên có thể kết quả nhập học sẽ bị hủy.

Ví dụ ③ Trường hợp là người đi làm theo diện phái cử, việc quay trở lại đi làm có ảnh hưởng tới việc trẻ có được nhận hay không

(Tiền đề) Được công ty A tuyển dụng và phái cử đến công ty B để làm việc.

Hiện đang nghỉ sinh theo chế độ của công ty A.

Trường hợp sau khi con đi nhà trẻ thì bắt đầu đi làm lại với số ngày, số giờ không thay đổi.

	Khả năng nhận trẻ	Nơi đi làm sau khi con đi nhà trẻ
h	☐	Quay lại công ty A và được phái cử đến công ty B
i	☐	Quay lại công ty A và được phái cử đến công ty C
k	☒	Không quay lại công ty A, được công ty D tuyển dụng và phải cử đến làm ở công ty B

Trường hợp (h) và (i), do vẫn quay lại làm ở công ty A – là công ty đang nghỉ sinh theo chế độ - nên dù công ty phái cử đến có thay đổi thì trẻ vẫn được nhận.

Trường hợp (k), tuy vẫn làm ở công ty được phái cử đến là công ty B nhưng do không quay lại công ty phái cử A mà lại chuyển sang công ty phái cử D, do vậy điểm xét hồ sơ là “Được nhận vào làm”, không còn là đối tượng cộng điểm “sau khi nghỉ sinh” nên có thể kết quả nhập học sẽ bị hủy.

Ví dụ ④ Trường hợp là người đi làm theo diện phái cử, điều kiện làm việc (số ngày, giờ giấc) có ảnh hưởng tới việc trẻ có được nhận hay không

(Tiền đề) Quay trở lại làm việc mà không có thay đổi về công ty phái cử và công ty tiếp nhận.

	Khả năng nhận trẻ	Điều kiện làm việc sau khi quay lại đi làm
l	☐	Quay lại làm việc với điều kiện giống như nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đi làm khi nộp hồ sơ
m	☐	Quay lại làm việc với số ngày, số giờ nhiều hơn nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đi làm khi nộp hồ sơ
n	☒	Quay lại làm việc với số ngày, số giờ ít hơn nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đi làm khi nộp hồ sơ

Trường hợp (m), do quay lại làm việc với điều kiện làm nhiều hơn nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đi làm khi nộp hồ sơ nên trẻ vẫn được nhận.

Trường hợp (n), do quay lại làm việc với điều kiện làm ít hơn nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đi làm khi nộp hồ sơ nên điểm xét hồ sơ khác với ban đầu, dẫn tới có khả năng bị hủy kết quả xét duyệt.

Nếu có vấn đề gì chưa rõ, vui lòng liên hệ với Ban chăm sóc trẻ em *Hoikuka*.

【6】 Học phí

(1) Về học phí (Vui lòng tham khảo “Biểu phí” ở trang 23~25)

- Học phí sẽ được quyết định dựa vào mức thuế tại địa phương (thuế thu nhập) năm đó (Tháng 4 đến tháng 8/2027 là mức thuế năm 2026; tháng 9/2027 đến tháng 3/2028 là mức thuế năm 2027) của cha mẹ (hoặc của người thực tế nuôi dưỡng trẻ)

※ Trường hợp chưa khai thuế cư trú, chúng tôi sẽ dựa trên mức đóng thuế cao nhất để tính học phí. Về tình hình khai thuế và cách khai thuế, vui lòng liên hệ với ban phụ trách thuế cư trú của địa phương mà mình cư trú vào thời điểm ngày 1/1/2026 và 1/1/2027.

- Trường hợp gia đình có từ 2 con trở lên chưa đi học lớp 1 và con lớn nhất đang đi gửi trẻ thì từ trẻ thứ 2 trở đi sẽ được giảm một nửa học phí (gửi trường khác thì phải nộp giấy xác nhận đang gửi trẻ)
- Không được áp dụng giảm thuế (trừ trường hợp điều chỉnh thuế) cho phần thuế tính theo thu nhập khi tính học phí.
- Trường hợp trông trẻ ngoài giờ sẽ phát sinh thêm phí trông ngoài giờ. (Nếu là trường công lập thì trẻ thứ 2 sẽ trả một nửa phí, trẻ thứ 3 sẽ được miễn phí.)
- Hạn nộp học phí cho nhà trẻ (*Ninka Hoikuen*) là ngày **cuối cùng mỗi tháng (riêng tháng 12 là ngày 28)**. (Trường hợp ngày cuối tháng rơi vào Thứ 7, Chủ nhật thì sẽ vào ngày làm việc tiếp theo). **Vui lòng nộp học phí đúng hạn.**
- Trường hợp không nộp học phí đúng hạn, ngoài việc gửi thông báo nhắc nhở, các hình thức xử lý chậm nộp như điều tra tài sản, tịch thu tài sản,...sẽ được thực hiện.
- Đối với nhà trẻ phức hợp (*Nintei Kodomoen*) và cơ sở trông trẻ quy mô nhỏ (*Shokibo Hoiku Jigyo*), học phí sẽ được thanh toán trực tiếp cho cơ sở. Vui lòng xác nhận với cơ sở để nắm được cách thức thanh toán.
- Học phí sẽ không thay đổi một khi đã được quyết định. Tuy nhiên, nếu trong năm tài chính, có những thay đổi về tiền thuế, loại xác nhận trợ cấp, thành phần gia đình, học phí sẽ được tính toán lại. Do đó nếu có thay đổi vui lòng thông báo sớm.
- “Biểu phí” và các nội dung liên quan đến việc miễn giảm được áp dụng theo quy định tại thời điểm phát hành tài liệu hướng dẫn đăng ký này. Tuy nhiên, các nội dung này có thể thay đổi dựa trên sửa đổi “Biểu phí tiêu chuẩn” do Nhà nước quy định hoặc việc rà soát, điều chỉnh “Biểu phí”.

(2) Việc trừ từ tài khoản học phí cho nhà trẻ công và nhà trẻ tư nhân

Tại thành phố Matsudo, tất cả những trường hợp gửi trẻ tại nhà trẻ công và nhà trẻ tư nhân cho đối tượng từ 0 ~ 2 tuổi đều phải trả học phí bằng hình thức trừ từ tài khoản.

※ Nhà trẻ phức hợp (*Nintei kodomoen*) và nhà trẻ quy mô nhỏ thì vui lòng xác nhận với từng cơ sở.

【Cách đăng ký tài khoản】

- ① Sử dụng dịch vụ đăng ký trừ tiền từ tài khoản trên trang web (Web □座振替受付サービス Web Koza Furikae Sabisu). Vui lòng quét mã QR dưới đây.



※Sau khi đăng ký xong, trong vòng 1 tháng sẽ nhận được thư thông báo hoàn tất đăng ký.

- ② Sử dụng mẫu “Giấy yêu trừ tiền từ tài khoản” (座振替依頼書 Koza Furikae Iraisho) có tại các cơ sở gửi trẻ

Điền các thông tin cần thiết vào “Giấy yêu cầu trừ tiền từ tài khoản” và làm thủ tục tại ngân hàng.

※Sau khi làm thủ tục tại ngân hàng xong, trong vòng 2 tháng sẽ nhận được thư thông báo hoàn tất đăng ký.

- Trong cả 2 trường hợp trên, học phí sẽ được bắt đầu trừ từ ngày cuối của tháng nhận được thông báo đăng ký hoàn tất.

(3) Các chi phí khác

Cha mẹ phải thanh toán những chi phí khác ngoài học phí (phí trông trẻ ngoài giờ, tiền ăn, phí hoạt động ngoại khóa, tiền sách, tài liệu học tập,...) nếu có. Mỗi cơ sở sẽ có mức giá khác nhau cho từng loại chi phí.

Trường hợp trẻ học trường công lập, vui lòng sử dụng dịch vụ tự trừ tiền giống như học phí.

【7】 Về việc miễn học phí

Những trường hợp sau đây sẽ được miễn học phí (trừ phí gửi trẻ quá giờ quy định)

◎Đối tượng miễn học phí (Tính theo tuổi đủ của trẻ đến ngày 1/4/2027)

• Trẻ từ 3 đến 5 tuổi

Cơ sở trông trẻ: Nhà trẻ Hoikusho (en), nhà trẻ phức hợp *Nintei Kodomoen*

Lớp	Ngày tháng năm sinh
Lớp 3 tuổi	Trẻ sinh từ 2/4/2023 đến 1/4/2024
Lớp 4 tuổi	Trẻ sinh từ 2/4/2022 đến 1/4/2023
Lớp 5 tuổi	Trẻ sinh từ 2/4/2021 đến 1/4/2022

• Trẻ từ 0 đến 2 tuổi thuộc hộ gia đình được miễn thuế cư trú

Cơ sở trông trẻ: Nhà trẻ *Hoikusho (en)*, nhà trẻ phức hợp *Nintei Kodomoen*, Nhà trẻ quy mô nhỏ *Shokibo Hoiku Jigyo*

Lớp	Ngày tháng năm sinh
Lớp sơ sinh	Trẻ sinh từ 2/4/2026 trở đi
Lớp 1 tuổi	Trẻ sinh từ 2/4/2025 đến 1/4/2026
Lớp 2 tuổi	Trẻ sinh từ 2/4/2024 đến 1/4/2025

Nếu có thắc mắc về các loại phí khác ngoài học phí vui lòng liên hệ các bộ phận phụ trách dưới đây:

【Trường công lập → *Matsudo Shiyakusho Hoikuka* (047-366-7351)】

【Nhà trẻ tư *Minkan Hoikuen*, nhà trẻ phức hợp *Nintei Kodomoen*, Nhà trẻ quy mô nhỏ *Shokibo Hoiku Jigyo* → Liên hệ trực tiếp với cơ sở】

【8】 Biểu phí năm tài chính 2027 (đối với trợ cấp loại 1)

※ “Biểu phí” và các nội dung liên quan đến việc miễn giảm được áp dụng theo quy định tại thời điểm phát hành tài liệu hướng dẫn đã
Tuy nhiên, các nội dung này có thể thay đổi dựa trên sửa đổi “Biểu phí tiêu chuẩn” do Nhà nước quy định hoặc việc rà soát, điều chỉnh

Phân loại hộ gia đình theo thu nhập		Học phí hàng tháng (Yên)
Phân loại	Mức thu nhập	Trẻ từ 3-5 tuổi
1A	Hộ gia đình đang nhận trợ cấp theo Luật trợ cấp sinh hoạt (Bao gồm cả hộ chỉ nhận một loại trợ cấp)	Học phí: Miễn phí Các chi phí cha mẹ tự chi trả: •Tiền ăn •Phí hoạt động ngoại khóa •Tiền sách, tài liệu học tập •Phí trông trẻ ngoài giờ, v.v...
1B	Hộ gia đình không thuộc diện nộp thuế (Cha mẹ đơn thân)	
2B	Hộ gia đình không thuộc diện nộp thuế	
2	Hộ gia đình chỉ nộp mức thuế tiêu chuẩn	
3	Mức thu nhập chịu thuế thị dân dưới 24,300 Yên	
4	Từ 24,300 Yên đến dưới 48,600 Yên	
5	Từ 48,600 Yên đến dưới 51,000 Yên	
6	Từ 51,000 Yên đến dưới 60,700 Yên	
7	Từ 60,700 Yên đến dưới 72,800 Yên	
8-1	Từ 72,800 Yên đến dưới 77,101 Yên	
8-2	Từ 77,101 Yên đến dưới 84,900 Yên	
9	Từ 84,900 Yên đến dưới 97,000 Yên	
10	Từ 97,000 Yên đến dưới 109,000 Yên	
11	Từ 109,000 Yên đến dưới 111,000 Yên	
12	Từ 111,000 Yên đến dưới 123,000 Yên	
13	Từ 123,000 Yên đến dưới 135,000 Yên	
14	Từ 135,000 Yên đến dưới 157,000 Yên	
15	Từ 157,000 Yên đến dưới 169,000 Yên	
16	Từ 169,000 Yên đến dưới 191,000 Yên	
17	Từ 191,000 Yên đến dưới 213,000 Yên	
18	Từ 213,000 Yên đến dưới 235,000 Yên	
19	Từ 235,000 Yên đến dưới 257,000 Yên	
20	Từ 257,000 Yên đến dưới 279,000 Yên	
21	Từ 279,000 Yên đến dưới 301,000 Yên	
22	Từ 301,000 Yên đến dưới 397,000 Yên	
23	Từ 397,000 Yên trở lên	

Trẻ đang được gửi trẻ ở trường mẫu giáo Yochien hoặc nhà trẻ phúc hợp Nintei kodomoen thuộc diện cơ sở được trợ cấp (trợ cấp loại 1),
thỏa mãn lý do cần gửi trẻ ở (trang 2) khi sử dụng các dịch vụ trông trẻ tạm thời, hoặc cơ sở ngoài có trường hợp sẽ được trợ cấp tiền gửi trẻ. Đ
ể được nhận trợ cấp cần có Xác nhận trợ cấp gửi trẻ “施設等利用給付認定” (Shisetsuto Riyō Kyufu Nintei)

Thông tin chi tiết vui lòng xem tài liệu: 【施設型給付を受ける新制度幼稚園・認定こども園在園児の預かり保育・一時預かり事業の
利用者向け幼児教育・保育の無償化の申し込み案内】được phát tại các địa điểm sau đây.

- < Địa điểm >
- Bộ phận chăm sóc trẻ em Hoikuka Toà thị chính thành phố Matsudo
 - Trường mẫu giáo Yochien hoặc nhà trẻ phúc hợp Nintei kodomoen thuộc diện cơ sở được trợ cấp trong thành phố
 - Download từ website của thành phố Matsudo

ing ký này.
h “Biểu phí”.

Biểu phí tài chính năm 2027 (Trợ cấp loại 2, 3)

※ “Biểu phí” và các nội dung liên quan đến việc miễn giảm được áp dụng theo quy định tại thời điểm phát hành tài liệu hướng dẫn đăng ký này. Tuy nhiên, các nội dung này có thể thay đổi dựa trên sửa đổi “Biểu phí tiêu chuẩn” do Nhà nước quy định hoặc việc rà soát, điều chỉnh “Biểu phí”.

※Phân loại theo thu nhập: Từ tháng 4 đến tháng 8 dựa vào thuế thị dân của năm tài chính trước, từ tháng 9 đến tháng 3 năm sau dựa vào thuế thị dân của năm tài chính hiện tại.

Thời gian gửi trẻ tiêu chuẩn

Phân loại hộ gia đình theo thu nhập			Học phí hàng tháng (Yên)		Học phí hàng tháng của trẻ thứ 2 (Yên)		Trẻ 3 tuổi trở lên
Phân loại	Mức thu nhập	Trẻ dưới 3 tuổi		Trẻ dưới 3 tuổi			
		Nhà trẻ Hoikusho(en) Nhà trẻ phức hợp Nintei Kodomoen	Nhà trẻ quy mô nhỏ Shokibo Hoiku Jigyo	Nhà trẻ Hoikusho(en) Nhà trẻ phức hợp Nintei Kodomoen	Nhà trẻ quy mô nhỏ Shokibo Hoiku Jigyo		
1A	Hộ gia đình đang nhận trợ cấp theo Luật trợ cấp sinh hoạt (Bao gồm cả hộ chỉ nhận một loại trợ cấp)	0	0	0	0	Học phí: Miễn phí Các chi phí cha mẹ tự chi trả: •Tiền ăn •Phí hoạt động ngoại khóa •Tiền sách, tài liệu học tập •Phí trông trẻ ngoài giờ, v.v	
1B	Hộ gia đình không thuộc diện nộp thuế (Cha mẹ đơn thân)	0	0	0	0		
2B	Hộ gia đình không thuộc diện nộp thuế	0	0	0	0		
2	Hộ gia đình chỉ nộp mức thuế tiêu chuẩn	7,600	6,000	3,800 [3,800]	3,000 [3,000]		
3	Mức thu nhập chịu thuế thị dân dưới 24,300 Yên	9,200	7,300	4,600 [4,600]	3,700 [3,700]		
4	Từ 24,300 Yên đến dưới 48,600 Yên	10,800	8,600	5,400 [5,400]	4,300 [4,300]		
5	Từ 48,600 Yên đến dưới 51,000 Yên	13,900	11,100	7,000 [7,000]	5,600 [5,600]		
6-1	Từ 51,000 Yên đến dưới 57,700 Yên	15,400	12,300	7,700 [7,700]	6,200 [6,200]		
6-2	Từ 57,700 Yên đến dưới 60,700 Yên	15,400	12,300	7,700 [7,700]	6,200 [6,200]		
7	Từ 60,700 Yên đến dưới 72,800 Yên	18,300	14,600	9,200 [9,000]	7,300 [7,300]		
8-1	Từ 72,800 Yên đến dưới 77,101 Yên	23,300	18,600	11,700 [9,000]	9,300 [9,000]		
8-2	Từ 77,101 Yên đến dưới 84,900 Yên	23,300	18,600	11,700	9,300		
9	Từ 84,900 Yên đến dưới 97,000 Yên	24,400	19,500	12,200	9,800		
10	Từ 97,000 Yên đến dưới 109,000 Yên	28,900	23,100	14,500	11,600		
11	Từ 109,000 Yên đến dưới 111,000 Yên	31,500	25,200	15,800	12,600		
12	Từ 111,000 Yên đến dưới 123,000 Yên	35,800	28,600	17,900	14,300		
13	Từ 123,000 Yên đến dưới 135,000 Yên	36,600	29,200	18,300	14,600		
14	Từ 135,000 Yên đến dưới 157,000 Yên	42,600	34,000	21,300	17,000		
15	Từ 157,000 Yên đến dưới 169,000 Yên	44,500	35,600	22,300	17,800		
16	Từ 169,000 Yên đến dưới 191,000 Yên	48,100	38,400	24,100	19,200		
17	Từ 191,000 Yên đến dưới 213,000 Yên	51,300	41,000	25,700	20,500		
18	Từ 213,000 Yên đến dưới 235,000 Yên	55,900	44,700	28,000	22,400		
19	Từ 235,000 Yên đến dưới 257,000 Yên	57,000	45,600	28,500	22,800		
20	Từ 257,000 Yên đến dưới 279,000 Yên	58,500	46,800	29,300	23,400		
21	Từ 279,000 Yên đến dưới 301,000 Yên	59,600	47,600	29,800	23,800		
22	Từ 301,000 Yên đến dưới 397,000 Yên	63,200	50,500	31,600	25,300		
23	Từ 397,000 Yên trở lên	64,700	51,700	32,400	25,900		

- Ghi chú
- ①

Phân loại độ tuổi trong biểu phí này được tính là tuổi tại thời điểm ngày 1 tháng 4 năm 2026, và không thay đổi trong năm tài chính đó.
- ②

Khi tính thu nhập chịu thuế thị dân, không áp dụng miễn giảm thuế như miễn giảm thuế đặc biệt khi mua xây nhà hay miễn giảm tiền ủng hộ.
- ③

Trường hợp không xác nhận được thuế thị dân nêu trên (do không báo cáo thuế, không nộp Giấy xác nhận đóng thuế) sẽ phải đóng học phí dựa trên mức thu nhập cao nhất.
- ④

Trường hợp có 2 trẻ trở lên cùng lúc nhập học trường mẫu giáo, nhà trẻ hoặc nhà trẻ phức hợp thì trẻ thứ hai sẽ được giảm một nửa học phí. (Trường hợp học mẫu giáo o thì nộp giấy chứng nhận đang học mẫu giáo).
- ⑤

Với phân loại thu nhập từ mức 6-1 trở xuống, không có hạn chế tuổi cho giảm trừ hộ gia đình đồng con như mục ④. Trẻ thứ hai sẽ được giảm nửa học phí.
- ⑥

Trẻ thứ ba trở đi sẽ được miễn học phí, bất kể mức thuế thị dân là bao nhiêu (không hạn về chế thu nhập).
- ⑦

Với phân loại thu nhập từ mức 8-1 trở xuống của hộ gia đình cha mẹ đơn thân, không có hạn chế tuổi cho giảm trừ hộ gia đình đồng con như mục ④,⑤, ⑥. Học phí của trẻ thứ nhất là mức phí trong ngoặc [] trong cột học phí của trẻ thứ hai, từ trẻ thứ hai trở đi miễn phí.
- ⑧

Học phí của 「Trẻ từ 3 đến 5 tuổi」 và 「Trẻ từ 0 đến 2 tuổi thuộc Hộ gia đình không thuộc diện nộp thuế」 là 0 Yên.

<Chi phí khác ngoài học phí của trẻ từ 3 tuổi trở lên>

Cha mẹ sẽ phải chi trả tiền ăn, phí hoạt động ngoại khóa, tiền sách, tài liệu học tập, phí trông trẻ ngoài giờ,...theo bảng giá quy định tại mô i cơ sở

* Tuy nhiên, dựa theo Bảng phân loại thu nhập như trên, trẻ thuộc hộ gia đình từ 1 ~ 4 như dưới đây sẽ được miễn giảm tiền ăn.

1. Hộ có thành viên cần chăm sóc (*) có mức thu nhập đến mức loại 8-1
(*) Người đang nhận trợ cấp sinh hoạt và hộ gia đình đơn thân...

2. Hộ có mức thu nhập đến 6-1

3. Từ trẻ thứ ba trở đi (chỉ tính trẻ đang học dưới lớp 3)

Chi tiết vui lòng liên hệ

【Nhà trẻ công lập → Bộ phận nuôi dạy trẻ Hoikuka (047-366-7351)】

【Nhà trẻ tư・Nhà trẻ quy mô nhỏ・Nhà trẻ phức hợp → Liên hệ trực tiếp với cơ sở 】

Biểu phí tài chính năm 2027 (Trợ cấp loại 2, 3)

※ “Biểu phí” và các nội dung liên quan đến việc miễn giảm được áp dụng theo quy định tại thời điểm phát hành tài liệu hướng dẫn đăng ký này. Tuy nhiên, các nội dung này có thể thay đổi dựa trên sửa đổi “Biểu phí tiêu chuẩn” do Nhà nước quy định hoặc việc rà soát, điều chỉnh “Biểu phí”.

※Phân loại theo thu nhập: Từ tháng 4 đến tháng 8 dựa vào thuế thị dân của năm tài chính trước, từ tháng 9 đến tháng 3 năm sau dựa vào thuế thị dân của năm tài chính hiện tại.

Thời gian gửi
trẻ ngắn

Phân loại hộ gia đình theo thu nhập		Học phí hàng tháng (Yên)		Học phí hàng tháng của trẻ thứ 2 (Yên)		Trẻ 3 tuổi trở lên
Phân loại	Mức thu nhập	Trẻ dưới 3 tuổi		Trẻ dưới 3 tuổi		
		Nhà trẻ Hoikusho(en) Nhà trẻ phức hợp Nintei Kodomoen	Nhà trẻ quy mô nhỏ Shokibo Hoiku Jigyo	Nhà trẻ Hoikusho(en) Nhà trẻ phức hợp Nintei Kodomoen	Nhà trẻ quy mô nhỏ Shokibo Hoiku Jigyo	
1A	Hộ gia đình đang nhận trợ cấp theo Luật trợ cấp sinh hoạt (Bao gồm cả hộ chỉ nhận một loại trợ cấp)	0	0	0	0	Học phí: Miễn phí Các chi phí cha mẹ tự chi trả: • Tiền ăn • Phí hoạt động ngoại khóa • Tiền sách, tài liệu học tập • Phí trông trẻ ngoài giờ, v.v
1B	Hộ gia đình không thuộc diện nộp thuế (Cha mẹ đơn thân)	0	0	0	0	
2B	Hộ gia đình không thuộc diện nộp thuế	0	0	0	0	
2	Hộ gia đình chỉ nộp mức thuế tiêu chuẩn	7,400	5,900	3,700[3,700]	3,000[3,000]	
3	Mức thu nhập chịu thuế thị dân dưới 24,300 Yên	9,000	7,200	4,500[4,500]	3,600[3,600]	
4	Từ 24,300 Yên đến dưới 48,600 Yên	10,600	8,400	5,300[5,300]	4,200[4,200]	
5	Từ 48,600 Yên đến dưới 51,000 Yên	13,600	10,800	6,800[6,800]	5,400[5,400]	
6-1	Từ 51,000 Yên đến dưới 57,700 Yên	15,100	12,000	7,600[7,600]	6,000[6,000]	
6-2	Từ 57,700 Yên đến dưới 60,700 Yên	15,100	12,000	7,600[7,600]	6,000[6,000]	
7	Từ 60,700 Yên đến dưới 72,800 Yên	17,900	14,300	9,000[8,800]	7,200[7,200]	
8-1	Từ 72,800 Yên đến dưới 77,101 Yên	22,900	18,300	11,500[8,800]	9,200[8,800]	
8-2	Từ 77,101 Yên đến dưới 84,900 Yên	22,900	18,300	11,500	9,200	
9	Từ 84,900 Yên đến dưới 97,000 Yên	23,900	19,100	12,000	9,600	
10	Từ 97,000 Yên đến dưới 109,000 Yên	28,400	22,700	14,200	11,400	
11	Từ 109,000 Yên đến dưới 111,000 Yên	30,900	24,700	15,500	12,400	
12	Từ 111,000 Yên đến dưới 123,000 Yên	35,100	28,000	17,600	14,000	
13	Từ 123,000 Yên đến dưới 135,000 Yên	35,900	28,700	18,000	14,400	
14	Từ 135,000 Yên đến dưới 157,000 Yên	41,800	33,400	20,900	16,700	
15	Từ 157,000 Yên đến dưới 169,000 Yên	43,700	34,900	21,900	17,500	
16	Từ 169,000 Yên đến dưới 191,000 Yên	47,200	37,700	23,600	18,900	
17	Từ 191,000 Yên đến dưới 213,000 Yên	50,400	40,300	25,200	20,200	
18	Từ 213,000 Yên đến dưới 235,000 Yên	54,900	43,900	27,500	22,000	
19	Từ 235,000 Yên đến dưới 257,000 Yên	56,000	44,800	28,000	22,400	
20	Từ 257,000 Yên đến dưới 279,000 Yên	57,500	46,000	28,800	23,000	
21	Từ 279,000 Yên đến dưới 301,000 Yên	58,500	46,800	29,300	23,400	
22	Từ 301,000 Yên đến dưới 397,000 Yên	62,100	49,600	31,100	24,800	
23	Từ 397,000 Yên trở lên	63,600	50,800	31,800	25,400	

- Ghi chú
- ① Phân loại độ tuổi trong biểu phí này được tính là tuổi tại thời điểm ngày 1 tháng 4 năm 2026, và không thay đổi trong năm tài chính đó.
 - ② Khi tính thu nhập chịu thuế thị dân, không áp dụng miễn giảm thuế như miễn giảm thuế đặc biệt khi mua xây nhà hay miễn giảm tiền ủng hộ.
 - ③ Trường hợp không xác nhận được thuế thị dân nêu trên (do không báo cáo thuế, không nộp Giấy xác nhận đóng thuế) sẽ phải đóng học phí dựa trên mức thu nhập cao nhất.
 - ④ Trường hợp có 2 trẻ trở lên cùng lúc nhập học trường mẫu giáo, nhà trẻ hoặc nhà trẻ phức hợp thì trẻ thứ hai sẽ được giảm một nửa học phí. (Trường hợp học mẫu giáo o thì nộp giấy chứng nhận đang học mẫu giáo).
 - ⑤ Với phân loại thu nhập từ mức 6-1 trở xuống, không có hạn chế tuổi cho giảm trừ hộ gia đình đông con như mục ④. Trẻ thứ hai sẽ được giảm nửa học phí.
 - ⑥ Trẻ thứ ba trở đi sẽ được miễn học phí, bất kể mức thuế thị dân là bao nhiêu (không hạn về chế thu nhập).
 - ⑦ với phân loại thu nhập từ mức 8-1 trở xuống của hộ gia đình cha mẹ đơn thân, không có hạn chế tuổi cho giảm trừ hộ gia đình đông con như mục ④,⑤, ⑥. Học phí của trẻ thứ nhất là mức phí trong ngoặc 「」 trong cột học phí của trẻ thứ hai, từ trẻ thứ hai trở đi miễn phí.
 - ⑧ Học phí của 「Trẻ từ 3 đến 5 tuổi」 và 「Trẻ từ 0 đến 2 tuổi thuộc Hộ gia đình không thuộc diện nộp thuế」 là 0 Yên.

<Chi phí khác ngoài học phí của trẻ từ 3 tuổi trở lên>

Cha mẹ sẽ phải chi trả tiền ăn, phí hoạt động ngoại khóa, tiền sách, tài liệu học tập, phí trông trẻ ngoài giờ,...theo bảng giá quy định tại mỗi cơ sở.

* Tuy nhiên, dựa theo Bảng phân loại thu nhập như trên, trẻ thuộc hộ gia đình từ 1 ~ 4 như dưới đây sẽ được miễn giảm tiền ăn.

1. Hộ có thành viên cần chăm sóc (*) có mức thu nhập đến mức loại 8-1
(*) Người đang nhận trợ cấp sinh hoạt và hộ gia đình đơn thân...
2. Hộ có mức thu nhập đến 6-1
3. Từ trẻ thứ ba trở đi (chỉ tính trẻ đang học dưới lớp 3)
4. Trẻ thứ 2 trong gia đình (giảm một nửa phí)

Chi tiết vui lòng liên hệ

【Nhà trẻ công lập → Bộ phận nuôi dạy trẻ Hoikuka (047-366-7351)】

【Nhà trẻ tư•Nhà trẻ quy mô nhỏ•Nhà trẻ phức hợp → Liên hệ trực tiếp với cơ sở 】

【9】Danh sách địa điểm trông trẻ

Khu vực Matsudo, Yakiri, Kitamatsudo, Wanagaya

- Các cơ sở trông trẻ thường xuyên tổ chức tham quan nhà trẻ, vui lòng liên hệ trước qua điện thoại.
- Quét mã QR ở trang cuối cùng của Tài liệu hướng dẫn đăng ký nhà trẻ để xem bản đồ vị trí nhà trẻ.
- Đây là danh sách tại thời điểm ngày 5 tháng 10 năm 2026. Chi tiết vui lòng liên hệ các cơ sở trông trẻ.

「Phân loại」 「Công lập」 Tp Matsudo thành lập 「Pháp nhân」 Do trường học, tổ chức phúc lợi xã hội hoặc tổ chức tôn giáo thành lập
「Doanh nghiệp」 Công ty cổ phần hoặc TNHH thành lập 「NPO」 Do tổ chức phi lợi nhuận thành lập 「Cá nhân」 Cá nhân thành lập

<Điều kiện độ tuổi> Điều kiện về tuổi chỉ tuổi tròn của trẻ tính đến ngày đầu tiên của tháng có nguyện vọng gửi trẻ. (Lớp theo tuổi được tính theo tuổi tại thời điểm ngày 01/04 của năm đăng l

<Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy> Việc giữ trẻ vào thứ Bảy sẽ được tổ chức chung tại địa điểm ghi trên tài liệu. Nơi có đánh dấu (※) nhận giữ trẻ cả vào dịp lễ Obon.

<Nhận giới thiệu> Là chế độ nhà trẻ quy mô nhỏ giới thiệu trẻ đang theo học tới nhà trẻ có nhận giới thiệu. Chi tiết vui lòng liên hệ với các nhà trẻ quy mô nhỏ.

Cơ sở giữ trẻ công lập

Khu vực Matsudo, Yakiri, Kitamatsudo, Wanagaya

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)		
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu		
1	Kita Matsudo Hoikusho						Công lập	Kamihongo 3870		362-8282	
6 tháng ~ 5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 6 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
15	Nijyuuisseiki Gaoka Hoikusho						Công lập	Nijyuuisseiki Gaoka Toyamachou 73		391-2200	
6 tháng ~ 5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 1 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
17	Matsu Gaoka Hoikusho						Công lập	Matsudoshinden 554-2		368-9191	
3 tuổi~5 tuổi	—	—	—	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 7 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											

Cơ sở giữ trẻ tự nhân

Khu vực Matsudo, Yakiri, Kitamatsudo, Wanagaya

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục		Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
101	Kohitsuji Hoikuen						Pháp nhân	Kamiyakiri 113			362-5916	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe 4 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												
102	Dai-ichi Heiwa Hoikuen						Pháp nhân	Matsudo 2283-2			367-0123	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe 8 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												
103	Dai-ni Heiwa Hoikuen						Pháp nhân	Matsudo 1394			367-0105	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Không có chỗ đỗ xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00												
105	Matsudo Midori Hoikuen						Pháp nhân	Nakaicho 1-32-6			308-2866	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Có đồng phục		Có chỗ đỗ xe 2 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:30~20:00 (T.Bảy) 7:30~18:30												

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)		
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu		
114	Kamihongo Hoikuen						Pháp nhân	Kamihongo 2292		366-0675	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
115	Tsubomi Hoikuen						Pháp nhân	Kamiyakiri 1101-2		368-7811	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe 5 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
120	Matsudo Minami Hoikuen						Pháp nhân	Koyama 523-5		368-0366	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
128	Hoikuen Kibou No Takara						Pháp nhân	Honcho 13-9		308-3088	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~20:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
135	Wanagawa Himawari Hoikuen						Pháp nhân	Wanagaya 1104-1		711-6603	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
139	Hoikuen Kibou No Tsubasa						Pháp nhân	Nemoto 12-16		710-9939	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~20:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
146	Dai-san Heiwa Hoikuen						Pháp nhân	Konemoto 161-3		710-6651	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
147	Keiya Kids Hoikuen						Pháp nhân	Kogasaki 1-3073		703-8805	
3 tuổi~5 tuổi	—	—	—	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 7 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
152	Matsudo Yuinohi Hoikuen						Pháp nhân	Honcho 13-20		712-0800	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~20:00 (T.Bảy) 7:00~19:00											
153	Heiwa Nonohana Hoikuen						Pháp nhân	Matsudo 1331-10		710-0355	
3 tuổi~5 tuổi	—	—	—	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00											

Nhà trẻ qui mô nhỏ

Khu vực Matsudo, Yakiri, Kitamatsudo, Wanagaya

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe			
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
161	Keiya Kids Baby Room						Pháp nhân	Honchou 12-17 Akimoto Biru 1F			368-5120	
1 tuổi~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Không có chỗ đỗ xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00							Nơi liên kết① Hoikuen Kibou no Takara					

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)		
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu		
165	Heiwa Olive Hoikushitu						Pháp nhân	Matsudo 1333 Cosmo Matsudo Station Square 109		712-1933	
1 tuổi ~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~19:00			(T.Bây)Heiwa No no Hana Hoikuen				Nơi liên kết① Nơi liên kết② Nơi liên kết③	Dai-ichi Heiwa Hoikuen Dai-ni Heiwa Hoikuen Dai-san Heiwa Hoikuen			
166	Sawarabi Kodomoen Kitamatsudo Room						Pháp nhân	Kamihongo 867-5 Sapoore Kitamatsudo 101		712-2180	
1 tuổi ~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00			(T.Bây)Sawarabi Kodomoen				Nơi liên kết① Sawarabi Kodomoen		Nơi liên kết① Sakae Yochien		
169	Heiwa Kobato Hoikushitsu						Pháp nhân	Matsudo 1227-1 Anseie Matsudo 2F		712-2620	
1 tuổi ~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~19:00			(T.Bây)Heiwa No no Hana Hoikuen				Nơi liên kết① Nơi liên kết② Nơi liên kết③	Dai-ichi Heiwa Hoikuen Dai-ni Heiwa Hoikuen Dai-san Heiwa Hoikuen			
170	Heiwa Chiiroba Hoikushitsu						Pháp nhân	Matsudo 1227-1 Anseie Matsudo 2F		712-2621	
1 tuổi ~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~19:00			(T.Bây)Heiwa No no Hana Hoikuen				Nơi liên kết① Nơi liên kết② Nơi liên kết③	Dai-ichi Heiwa Hoikuen Dai-ni Heiwa Hoikuen Dai-san Heiwa Hoikuen			
172	Nogikuno Kodomoen Matsudo Station Room						Pháp nhân	Nemoto 2-16 Amusu Matsudo Burantiiku 2F		330-2031	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00							Nơi liên kết① Nogikuno Kodomoen		Nơi liên kết① Sakae Yochien Nơi liên kết② Miyako Yochien		
173	Doremi Room						Pháp nhân	Nogikuno 7-2 1F		712-0883	
1 tuổi ~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 5 xe (Nogikuno Kodomoen/ Ferry Room dùng chung)		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00			(T.Bây)Nogikuno Kodomoen				Nơi liên kết① Nogikuno Kodomoen				
174	Keya Kids Smile Room						Pháp nhân	Nemoto 12-2		710-6336	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00			(T.Bây) Keiya Kids Baby Room				Nơi liên kết① Hoikuen Kiboutsubasa				
175	Yuimaaru Hoikuen						Doanh nghiệp	Matsudo 1129-1 Nyuupaurisuta Biru 1F		362-2215	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây)7:00~18:30							Nơi liên kết① Dai-ichi Heiwa Hoikuen Nơi liên kết② Kohitsuji Hoikuen				
176	Kamihongo Hoikuen Himawari Room						Pháp nhân	Kamihongo 907-4 Aabanraifu Yasuda		368-2305	
1 tuổi ~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00			(T.Bây)Kamihongo Hoikuen				Nơi liên kết① Kamihongo Hoikuen				
177	Pikkoriino Hoikuen						Pháp nhân	Kamihongo 2672-9 Shinkeisei Kamihongo Eki Biru 2F		712-1152	
1 tuổi ~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu)7:30~19:30 (T.Bây) 7:30~18:30			(T.Bây)Matsudo Midori Hoikuen				Nơi liên kết① Matsudo Midori Hoikuen				
180	Heiwa Kashinoki Hoikushitsu						Pháp nhân	Matsudo 1333 Kosumo Matsudo Station Square 108		712-1935	
1 tuổi ~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~19:00			(T.Bây)Heiwa No no Hana Hoikuen				Nơi liên kết① Nơi liên kết② Nơi liên kết③	Dai-ichi Heiwa Hoikuen Dai-ni Heiwa Hoikuen Dai-san Heiwa Hoikuen			
188	Ohana Kids Room Yakiri						Doanh nghiệp	Miyakodai 3-190 Miyakodai Biru 1F		711-6201	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00							Nơi liên kết① Kohitsuji Hoikuen		Nơi liên kết① Kakinoki Yochien		

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 04		
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu		
192	Hinata Hoikuen						NPO	Shimoyakiri 75-1 Yakiri Biru 1F		710-0611	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00							Nơi liên kết① Kohitsuji Hoikuen Nơi liên kết② Nagomi Hoikuen		Nơi liên kết① Kakinoki Yochien		
194	Yumeiro Room						Pháp nhân	Honchou 14-18 Matsudo Toshio Biru 1F		382-6870	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Nogikuno Kodomoen Cửa Tây ga Matsudo				Nơi liên kết① Nogikuno Kodomoen		Nơi liên kết① Sakae Yochien Nơi liên kết② Miyako Yochien		
197	Heiwa Koeda Hoikushitsu						Pháp nhân	Matsudo 1227-1 Anseie Matsudo 3F		382-5001	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00			(T.Bảy)Heiwa No no Hana Hoikuen				Nơi liên kết① Dai-ichi Heiwa Hoikuen Nơi liên kết② Dai-ni Heiwa Hoikuen Nơi liên kết③ Dai-san Heiwa Hoikuen				
198	Heiwa Minori Hoikushitsu						Pháp nhân	Matsudo 1227-1 Anseie Matsudo 3F		382-5002	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00			(T.Bảy)Heiwa No no Hana Hoikuen				Nơi liên kết① Dai-ichi Heiwa Hoikuen Nơi liên kết② Dai-ni Heiwa Hoikuen Nơi liên kết③ Dai-san Heiwa Hoikuen				
1204	Koyama Hoiku Room						Pháp nhân	Koyama 257-1		393-8615	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe	3 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy) Matsudo Minami Hoikuen				Nơi liên kết① Matsudo Minami Hoikuen				
1207	Tsubomi Room						Pháp nhân	Kamiyakiri 1131		712-2020	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe	2 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Tsubomi Hoikuen				Nơi liên kết① Tsubomi Hoikuen				
1208	Matsudo Chuo Koen Mae Hoikuen Dai-ichi						Doanh nghiệp	Matsudo 1139-2 2F		369-7362	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00									Nơi liên kết① Miyako Yochien		
1209	Matsudo Chuo Koen Mae Hoikuen Dai-ni						Doanh nghiệp	Matsudo 1139-2 2F		369-7362	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00			(T.Bảy) Matsudo Chuo Koen Mae Hoikuen Dai-ichi						Nơi liên kết① Miyako Yochien		
1218	Wanagawa Himawari Hoikuen Korokudai Room						Pháp nhân	Korokudai 326-40		315-7063	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe	4 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Wanagaya Himawari Hoikuen				Nơi liên kết① Wanagaya Himawari Hoikuen				
1219	Miruku Hoikuen						Pháp nhân	Miyakodai 5-13-6		710-8411	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe	1 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00							Nơi liên kết① Tsubomi Hoikuen				
1224	Matsudo Chuo Koen Mae Hoikuen Dai-san						Doanh nghiệp	Matsudo 1139-2 2F		369-7362	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00									Nơi liên kết① Miyako Yochien		
1225	Matsudo Chuo Koen Mae Hoikuen Dai-yon						Doanh nghiệp	Matsudo 1139-2 2F		369-7362	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00			(T.Bảy)Matsudo Chuo Koen Mae Hoikuen Dai-san						Nơi liên kết① Miyako Yochien		

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu
1227	Hoikuen Kibou No Sora						Pháp nhân	Honcho 6-10 Riberute Matsudo 101	703-7113
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00		(T.Bảy)Hoikuen Kiboutakara					Nơi liên kết① Hoikuen Kiboutakara		
1240	Furu-ru Hoikuen Matsudoekimae						Doanh nghiệp	Honcho 17-7 Matsuba Biru 2F	710-4630
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Sakae Yochien Nơi liên kết② Miyako Yochien
1242	Enzeru Hikara Hoikuen Matsudo						Doanh nghiệp	Honcho 20-10	382-6277
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Maruyama Yochien Nơi liên kết② Miyako Yochien
1244	Kitamatsudo Niko Niko Hoikuen						Doanh nghiệp	Kamihongo 891 Kotobukiya Biru 1F	710-6776
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00									Nơi liên kết① Senshu Daigaku Matsudo Yochien
1248	Ferry Room						Pháp nhân	Nogikuro 7-2 2F	308-5900
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 5 xe (Nogikuno Kodomoen, Doremi Room dùng chung)
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00		(T.Bảy)Nogikuno Kodomoen					Nơi liên kết① Nogikuno Kodomoen		
1249	Enzeru Kirari Hoikuen Matsudo						Doanh nghiệp	Honcho 20-10	382-6721
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00		(T.Bảy)Enzeru Hikara Hoikuen Matsudo							Nơi liên kết① Maruyama Yochien Nơi liên kết② Miyako Yochien
1256	Mitsuboshi Room Masudo Eki Higashiguchi						Pháp nhân	Nemoto 466-3 Dai-ni Keiyo Biru 1F	711-8941
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Maruyama Yochien Nơi liên kết② Miyako Yochien
1259	Enzeru Karumia Hoikuen Kamihongo						Doanh nghiệp	Kamihongo 4060	712-1020
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe (dùng chung Enzeru Fukushima Hoikuen Kamihongo)
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Senshu Daigaku Matsudo Yochien Nơi liên kết② Miyako Yochien
1260	Enzeru Fukushima Hoikuen Kamihongo						Doanh nghiệp	Kamihongo 4060	712-1790
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe (dùng chung Enzeru Karumia Hoikuen Kamihongo)
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Senshu Daigaku Matsudo Yochien Nơi liên kết② Miyako Yochien
1261	Kokori no Mori Hoikuen Shinden Dai-ichi						Doanh nghiệp	Matsudo Shinden 94-142	703-5800
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe (dùng chung Kokori no Mori Hoikuen Shinden Dai-ichi)
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00									Nơi liên kết① Maruyama Yochien Nơi liên kết② Miyako Yochien
1262	Kokori no Mori Hoikuen Shinden Dai-ni						Doanh nghiệp	Matsudo Shinden 94-142	711-8837
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe (dùng chung Kokori no Mori Hoikuen Shinden Dai-ni)
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00		(T.Bảy) Kokori no Mori Hoikuen Shinden Dai-ichi							Nơi liên kết① Maruyama Yochien Nơi liên kết② Miyako Yochien
1266	Petit Lic Minori En						Doanh nghiệp	Nijyuuisseiki Gaoka Minoricho 25	050-1741-6060
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 1 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Maruyama Yochien

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe			
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
1277	Matsudo Child Hoikuen						Doanh nghiệp	Konemoto 20-21			393-8100	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe			
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00										Nơi liên kết① Maruyama Yochien		
1279	Mitsuboshi Room Kitamasudo						Pháp nhân	Kamihongo 901-4 Arrow Kitamatsudo 27 Bankan 2F			712-1121	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe			
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy) Mitsuboshi Room Masudo Eki Higashiguchi							Nơi liên kết① Sakae Yochien Nơi liên kết② Senshu Daigaku Matsudo Yochien		

Nhà trẻ phức hợp (Nintei Kodomoen)

Khu vực Matsudo, Yakiri, Kitamatsudo, Wanagaya

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe			
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
1005	Nogikuno Kodomoen						Pháp nhân	Nogikuno 5			365-8385	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 5 xe (dùng chung Doremi Room, Ferry Room)			
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												

○ Các cơ sở trông trẻ thường xuyên tổ chức tham quan nhà trẻ, vui lòng liên hệ trước qua điện thoại.
○ Quét mã QR ở trang cuối cùng của Tài liệu hướng dẫn đăng ký nhà trẻ để xem bản đồ vị trí nhà trẻ.
○ Đây là danh sách tại thời điểm ngày 5 tháng 10 năm 2026. Chi tiết vui lòng liên hệ các cơ sở trông trẻ.

<Phân loại> 「Công lập」 Tp Matsudo thành lập 「Pháp nhân」 Do trường học, tổ chức phúc lợi xã hội hoặc tổ chức tôn giáo thành lập
「Doanh nghiệp」 Công ty có phần hoặc TNHH thành lập 「NPO」 Do tổ chức phi lợi nhuận thành lập 「Cá nhân」 Cá nhân thành lập

<Điều kiện độ tuổi> Điều kiện về tuổi chỉ tuổi tròn của trẻ tính đến ngày đầu tiên của tháng có nguyện vọng gửi trẻ. (Lớp theo tuổi được tính theo tuổi tại thời điểm ngày 01/04 của năm đăng l

<Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy> Việc giữ trẻ vào thứ Bảy sẽ được tổ chức chung tại địa điểm ghi trên tài liệu. Nơi có đánh dấu(※) nhận giữ trẻ cả vào dịp lễ Obon.

<Nhận giới thiệu> Là chế độ nhà trẻ quy mô nhỏ giới thiệu trẻ đang theo học tới nhà trẻ có nhận giới thiệu. Chi tiết vui lòng liên hệ với các nhà trẻ quy mô nhỏ.

Khu vực Kogasaki, Mabashi, Shinmatsudo

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)		
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu		
11	Mabashi Nishi Hoikusho						Công lập	Nishimabashi Hirotechou 123		344-8001	
6 tháng5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
12	Kogasaki Hoikusho						Công lập	Kogasaki 4-3617		367-9981	
6 tháng5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 5 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
19	Shinmatsudo Chuo Hoikusho						Công lập	Shinmatsudo 3-111		344-7221	
6 tháng5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
21	Shinmatsudo Minamibu Hoikusho						Công lập	Shinmatsudo Minami 2-17		344-0010	
3 tuổi~5 tuổi	—	—	—	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 3 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
23	Shinmatsudo Kita Hoikusho						Công lập	Shinmatsudo 7-145-3		346-5161	
6 tháng5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
24	Kogasaki Dai-ni Hoikusho						Công lập	Kogasaki 1-2994-2		363-4004	
6 tháng5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											

Khu vực Kogasaki, Mabashi, Shinmatsudo

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe			
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
5	Mabashi Hoikuen						Pháp nhân	Mikazuki 1534			342-1097	
6 tháng5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												
113	Shinmatsudo Grace Hoikuen Baby Home						Pháp nhân	Shinmatsudo 6-118-1			344-3222	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 5 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00							Nơi liên kết① Koganenishi Grace Kodomoen					

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)		
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu		
116	Iwasaki Hoikuen						Pháp nhân	Nishimabashi 3-49-2		341-0941	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe	5 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
119	Keyaki No Mori Hoikuen						Pháp nhân	Nakawakura 331		344-5026	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe	10 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
121	Matsudo Hibari Hoikuen						Pháp nhân	Nishimabashi 1-28-16		346-0336	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe	4 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00							Nơi liên kết① Mabashi Hoikuen				
126	Toshin Pop Kids						Pháp nhân	Shinmatsudo 1-345-2		340-3434	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe	2 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~20:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
133	Kosumosu Hoikuen						Pháp nhân	Sakaechou Nishi 3-1049		367-7775	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe	10 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~20:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
141	Minami Shinmatsudo Hoikuen						Pháp nhân	Shinmatsudo 1-82		340-3730	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe	6 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
145	Yumenomi Hoikuen						Pháp nhân	Nishimabashi Kuramotocho 134-1		701-7755	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe	5 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
148	Naasari School Izumu Shinmatsudo						Pháp nhân	Shinmatsudo Kita 1-11-15		382-6612	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe	9 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00											
149	Keyaki No Mori Hoikuen Mabashi						Pháp nhân	Shinzaku 1-1035-2		330-0084	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe	12 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
150	Yumenomi Hoikuen						Pháp nhân	Shinmatsudo 4-31-1		711-6655	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe	4 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~20:00 (T.Bảy) 7:00~19:00											

Nhà trẻ qui mô nhỏ

Khu vực Kogasaki, Mabashi, Shinmatsudo

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục		Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
164	Shinmatsudo Yochien Ohisama Room						Pháp nhân	Shinmatsudo 3-256			344-4199	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Có sân trong khuôn viên		Có đồng phục		Không có chỗ đỗ xe	
(T.Hai~T.Sáu)7:30~18:30 (T.Bảy) 7:30~18:30										Nơi liên kết① Shinmatsudo Yochien		

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu
167	Sawarabi Dream Kodomoen Mabashi Room						Pháp nhân	Mabashi 179-1 Mabashi Station Mall 1F B2	712-1745
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 1 xe (dùng chung Mabashi Dai-ni Room)
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00							Nơi liên kết① Sawarabi Kodomoen Nơi liên kết② Sawarabi Dream Kodomoen	Nơi liên kết① Sakae Yochien	
171	Hoshi No Ouchi Shinmatsudo						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 3-129-1	712-2494
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00							Nơi liên kết① Minami Shinmatsudo Hoikuen	Nơi liên kết① Daishoin Yochien	
179	Kosumosu Baby Room Shinmatsudo						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 1-186 Dai-ni Royal Mansion 101	382-6501
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00							Nơi liên kết① Kosumosu Hoikuen		
181	Mirukii Home Shinmatsudo En						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 4-28-1 Jyuneshion Shinmatsudo 1F	344-4248
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00							Nơi liên kết① Minami Shinmatsudo Hoikuen	Nơi liên kết① Daishoin Yochien	
185	Sawarabi Dream Kodomoen Mabashi Dai-ni Room						Pháp nhân	Mabashi 179-1 Mabashi Station Mall 1F B1	710-9880
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 1 xe (dùng chung Mabashi Room)
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00		(T.Bảy)Sawarabi Dream Kodomoen Mabashi Room					Nơi liên kết① Sawarabi Dream Kodomoen		
187	Keyaki No Mori Hoikuen Sendabori						Pháp nhân	Sendabori 1598	374-6605
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00		(T.Bảy)Keyaki No Mori Hoikuen					Nơi liên kết① Keyaki No Mori Hoikuen		
189	Keishin no Hoikuen HOPPA Shinmatsudo En						Doanh nghiệp	Futatsugi 757-1 Rakkufiirudo 1F	393-8501
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:30~18:30							Nơi liên kết① Minami Shinmatsudo Hoikuen		
199	Kosumosu Baby Room Shinmatsudo Dai-ni Room						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 1-232	382-6844
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00							Nơi liên kết① Kosumosu Hoikuen	Nơi liên kết① Iwasaki Yochien Nơi liên kết② Iwasaki Dai-ni Yochien	
1201	Shinmatsudo Suzuran Hoikuen						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 3-127	712-1970
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00							Nơi liên kết① Yumenomi Hoikuen	Nơi liên kết① Iwasaki Yochien Nơi liên kết② Iwasaki Dai-ni Yochien	
1202	Yuimaaru Hoikuen Nakawakura						Doanh nghiệp	Nakawakura 175-2	712-1507
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe
(T.Hai~T.Sáu)7:30~18:30 (T.Bảy) 7:30~18:30							Nơi liên kết① Yumenomi Hoikuen		
1210	Itaru Room						Pháp nhân	Sakaechou 3-183 1F	382-6330
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 17 xe (dùng chung Sawarabi Kodomoen)
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00		(T.Bảy)Sawarabi Kodomoen					Nơi liên kết① Sawarabi Kodomoen		
1211	Nobiro Room						Pháp nhân	Sakaechou 3-183 2F	382-6331
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 17 xe (dùng chung Sawarabi Kodomoen)
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00		(T.Bảy)Sawarabi Kodomoen					Nơi liên kết① Sawarabi Kodomoen		

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)		
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu		
1212	Sakaecho Room						Pháp nhân	Sakaecho 3-183 3F		382-6332	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 17 xe (dùng chung Sawarabi Kodomoen)		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00			(T.Bây)Sawarabi Kodomoen				Nơi liên kết① Sawarabi Kodomoen				
1214	Kokori No Mori Hoikuen Shinmatsudo						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 6-1-1		342-8008	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~19:00							Nơi liên kết① Naasari School Izumu Shinmatsudo		Nơi liên kết① Iwasaki Yochien Nơi liên kết② Iwasaki Dai-ni Yochien Nơi liên kết③ Dai-ni Kakinoki Yochien		
1215	Shinmatsudo Dai-ni Suzuran Hoikuen						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 5-158-1		710-5082	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~19:00							Nơi liên kết① Naasari School Izumu Shinmatsudo		Nơi liên kết① Iwasaki Yochien Nơi liên kết② Iwasaki Dai-ni Yochien		
1217	Kosumosu Baby Room Mabashi						Doanh nghiệp	Nishimabashi Hirotecho 40-1 Shuei Biru 102		711-5510	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~19:00							Nơi liên kết① Kosumosu Hoikuen		Nơi liên kết① Iwasaki Yochien Nơi liên kết② Iwasaki Dai-ni Yochien Nơi liên kết③ Sakae Yochien		
1223	Shinmatsudo Nanohana Room						Pháp nhân	Shinmatsudo 1-486 202		702-7608	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00							Nơi liên kết① Nagomi Hoikuen				
1228	Shinmatsudo Nikoniko Hoikuen						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 4-204		711-8878	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 3 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~19:00									Nơi liên kết① Miyaoka Yochien Nơi liên kết② Daishoin Yochien		
1229	Kosumosu Baby Room Shinmatsudo Dai-san Room						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 1-186 Dai-ni Royal Mansion 103		711-8092	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~19:00							Nơi liên kết① Kosumosu Hoikuen		Nơi liên kết① Daishoin Yochien		
1236	Kosumosu Baby Room Shinmatsudo Chuo Koen						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 6-9 Esute-to Shinmatsudo 25 1F		710-3967	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 3 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~19:00			(T.Bây)Kosumosu Baby Room Mabashi				Nơi liên kết① Kosumosu Hoikuen		Nơi liên kết① Dai-ni Kakinoki Yochien		
1241	Enzeru Tsukino Hoikuen Mabashi						Doanh nghiệp	Nishimabashi 1-14-5		703-7112	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe 3 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Iwasaki Yochien Nơi liên kết② Iwasaki Dai-ni Yochien		
1243	Ohana Kids Room Mabashi						Doanh nghiệp	Nishimabashi Aikawacho 1-1 Crane Hills 101		394-4576	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Iwasaki Yochien Nơi liên kết② Iwasaki Dai-ni Yochien		
1246	Kosumosu Baby Room Shinmatsudo Yurinoki Doori						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 3-270 Sun Heim Koyo 1F		710-0826	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~19:00			(T.Bây)Kosumosu Baby Room Shinmatsudo Yurinoki Doori Dai-ni Room				Nơi liên kết① Kosumosu Hoikuen		Nơi liên kết① Daishoin Yochien Nơi liên kết② Iwasaki Yochien Nơi liên kết③ Iwasaki Dai-ni Yochien Nơi liên kết④ Sakae Yochien		
1253	Kosumosu Baby Room Shinmatsudo Yurinoki Doori Dai-ni Room						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 3-270 Sun Heim Koyo 1F		710-0650	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~19:00			(T.Bây)Kosumosu Baby Room Shinmatsudo Yurinoki Doori				Nơi liên kết① Kosumosu Hoikuen		Nơi liên kết① Daishoin Yochien Nơi liên kết② Iwasaki Yochien Nơi liên kết③ Iwasaki Dai-ni Yochien Nơi liên kết④ Sakae Yochien		

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu
1263	Shinmatsudo Hamonika Hoikuen						NPO	Shinmatsudo 3-1-1 Park House Shinmatsudo 311	712-2671
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Iwasaki Yochien Nơi liên kết② Iwasaki Dai-ni Yochien
1264	Try Kids Hoikuen Shinmatsudo						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 4-51 Maruyama Biru 1F	701-7090
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Iwasaki Yochien Nơi liên kết② Iwasaki Dai-ni Yochien
1282	Enzeru Satsuki Hoikuen Mabashi						Doanh nghiệp	Matsudo shi Mabashi 312-3	710-0565
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Senshu Daigaku Matsudo Yochien
1284	Petit Lic Shinmatsudo En						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 4-52-3 Ko-yo- Dai-yon Biru	050-1745-1700
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Daishoin Yochien Nơi liên kết② Miyaoka Yochien
1285	Hoikuen Iki Iki Kids						Doanh nghiệp	Shinmatsudo 4-80	711-8012
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00									Nơi liên kết① Daishoin Yochien Nơi liên kết② Miyaoka Yochien

※ Cơ sở Ohisama Room thuộc trường Shinmatsudo Yochien sẽ đóng cửa vào cuối tháng 3 năm 2027.

Nhà trẻ phức hợp (Nintei Kodomoen)

Khu vực Kogasaki, Mabashi, Shinmatsudo

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ		Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu	
1007	Koganenishi Grace Kodomoen						Pháp nhân	Shinmatsudokita 2-11-3			345-4994
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe 11 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
1008	Sawarabi Kodomoen						Pháp nhân	Sakaemachi 3-185-1			362-1530
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 15 xe (dùng chung Sawarabi Dream Kodomoen)		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
1009	Sawarabi Dream Kodomoen						Pháp nhân	Sakaemachi 3-185-1			703-3838
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 15 xe (dùng chung Sawarabi Kodomoen)		
(T.Hai~T.Sáu)7:00~24:00 (T.Bảy)7:00~22:00			(T.Bảy)Sawarabi Kodomoen								
1011	Nhà trẻ phức hợp Chiba (Sendabori Sendan Yochien)						Cá nhân	Sendabori 1865			341-6882
3 tuổi~5 tuổi	—	—	—	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00											

Khu vực Kogane, Koganehara

- Các cơ sở trông trẻ thường xuyên tổ chức tham quan nhà trẻ, vui lòng liên hệ trước qua điện thoại.
- Quét mã QR ở trang cuối cùng của Tài liệu hướng dẫn đăng ký nhà trẻ để xem bản đồ vị trí nhà trẻ.
- Đây là danh sách tại thời điểm ngày 5 tháng 10 năm 2026. Chi tiết vui lòng liên hệ các cơ sở trông trẻ.

<Phân loại> 「Công lập」 Tp Matsudo thành lập 「Pháp nhân」 Do trường học, tổ chức phúc lợi xã hội hoặc tổ chức tôn giáo thành lập
「Doanh nghiệp」 Công ty cổ phần hoặc TNHH thành lập 「NPO」 Do tổ chức phi lợi nhuận thành lập 「Cá nhân」 Cá nhân thành lập

< Điều kiện độ tuổi > Điều kiện về tuổi chỉ tuổi tròn của trẻ tính đến ngày đầu tiên của tháng có nguyện vọng gửi trẻ. (Lớp theo tuổi được tính theo tuổi tại thời điểm ngày 01/04 của năm đăng l

<Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy> Việc giữ trẻ vào thứ Bảy sẽ được tổ chức chung tại địa điểm ghi trên tài liệu. Nơi có đánh dấu (※) nhận giữ trẻ cả vào dịp lễ Obon.

<Nhận giới thiệu> Là chế độ nhà trẻ quy mô nhỏ giới thiệu trẻ đang theo học tới nhà trẻ có nhận giới thiệu. Chi tiết vui lòng liên hệ với các nhà trẻ quy mô nhỏ.

Cơ sở giữ trẻ công lập

Khu vực Kogane, Koganehara

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)		
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu		
4	Koganehara Hoikusho						Công lập	Koganehara 6-4-2		341-2643	
6 tháng5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
7	Koala Hoikusho						Công lập	Koganehara 4-6		343-1262	
6 tháng5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
14	Kogane Kita Hoikusho						Công lập	Nakakanasugi 3-192		344-4155	
6 tháng5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 3 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											

Cơ sở giữ trẻ tự nhân

Khu vực Kogane, Koganehara

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)		
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu		
3	Kogane Hoikuen						Pháp nhân	Kogane 444-54		341-2644	
6 tháng5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
22	Keyaki No Mori Hoikuen Kai No Hana						Pháp nhân	Koganehara 8-11-1		344-0020	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
112	Sakura Hoikuen						Pháp nhân	Koganehara 4-37-15		342-0661	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe	3 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
118	Wakashiba Hoikuen						Pháp nhân	Koganehara 8-19-20		343-1762	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe	5 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00							Nơi liên kết① Hanamizuki Kodomoen				
143	Ooganedaira Grace Hoikuen						Pháp nhân	Ooganedaira 3-132-1		382-6181	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe	7 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											

Nhà trẻ qui mô nhỏ

Khu vực Kogane, Koganehara

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)		
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu		
178	Kitakogane Grace Kodomoen Nooche Room						Pháp nhân	Kogane 2 Kitakogane Pikoti Nishi-kan 108		711-5780	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 9 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00			(T.Bây)Kitakogane Grace Kodomoen				Nơi liên kết① Kitakogane Grace Kodomoen				
1206	Kogane Joushi Grace Hoikuen Nooche Room						Pháp nhân	Yokosuka 1-20-2		711-9120	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00			(T.Bây)Ooganedaira Grace Hoikuen				Nơi liên kết① Ooganedaira Grace Hoikuen				
1221	Minami Kitakogane Hoikushitsu						Pháp nhân	Kogane 2 Kitakogane Pikoti Nishi-kan 111		382-5140	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00			(T.Bây)Minami Shinmatsudo Hoikuen				Nơi liên kết① Minami Shinmatsudo Hoikuen				
1232	Minami Kitakogane Dai-ni Hoikushitsu						Pháp nhân	Kogane 2 Kitakogane Pikoti Nishi-kan 206・207		710-8886	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00			(T.Bây)Minami Shinmatsudo Hoikuen				Nơi liên kết① Minami Shinmatsudo Hoikuen				
1233	Kokorinomori Hoikuen Kitakogane						Doanh nghiệp	Tonohiraga 31 Prade Kitakogane 101		348-8880	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 1 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~19:00									Nơi liên kết① Daishoin Yochien		
1235	Keyaki No Mori Hoikuen Merukaato						Pháp nhân	Hachigasaki 2-8-1 (Trong Terrace Mall)		712-1361	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe Bãi đỗ xe của Terrace Mall	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00			(T.Bây)Keyaki No Mori Hoikuen Kai no Hana				Nơi liên kết① Keyaki No Mori Hoikuen Kai no Hana				
1239	Kitamatsudo Nikoniko Hoikuen						Doanh nghiệp	Koganekiyoshicho 3-33-1		710-0866	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 7 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~19:00									Nơi liên kết① Miyaoka Yochien Nơi liên kết② Daishoin Yochien		
1252	Kosumosu Baby Room Kitakogane						Doanh nghiệp	Kogane 2 Picoty Kitakogane Nishikan 2F 203		712-1137	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~19:00									Nơi liên kết① Daishoin Yochien		
1254	Sakura Hoikuen Donguri Room						Pháp nhân	Kogane 444-5		710-5911	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 3 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00			(T.Bây)Sakura Hoikuen				Nơi liên kết① Sakura Hoikuen		Nơi liên kết① Miyaoka Yochien		
1268	Petit Lic Kitakogane En						Doanh nghiệp	Kogane 2 Picoty Kitakogane Nishikan 112		050-1752-2555	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00			(T.Bây)Petit Lic Kitakogane En Dai-ni								
1269	Mirai Tsubame Hoikuen						Pháp nhân	Koganehara 4-23-12		369-7715	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~19:00									Nơi liên kết① Miyaoka Yochien		
1275	Petit Lic Kitakogane En Dai-ni						Doanh nghiệp	Tonohiraga 192-3		050-1743-0555	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bây) 7:00~18:00											

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe			
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
1276	Petit Lic Kitakogane En Dai-san						Doanh nghiệp	Kogane Kiyoshigaoka 1-1-2 Ooshima Residence Kitakogane 1-B			050-1743-0666	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục		Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Petit Lic Kitakogane En Dai-ni									
1278	Run Run Room Hoikuen						Doanh nghiệp	Koganehara 7-34-9			710-5123	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe 2 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00										Nơi liên kết① Miyaoka Yochien		
1283	Run Run Room Hoikuen Kitakogane En						Doanh nghiệp	Koganehara 420 Urban Heights 1F			702-3866	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục		Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00										Nơi liên kết① Daishoin Yochien Nơi liên kết② Miyaoka Yochien		

Nhà trẻ phức hợp (Nintei Kodomoen)

Khu vực Kogane, Koganehara

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe			
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
1010	Kitakogane Grace Kodomoen						Pháp nhân	Tonohirga 200-11			348-3880	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe			9 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												
1013	Nhà trẻ phức hợp Tozenji Yochien						Pháp nhân	Tonohirga 200-11			348-3880	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	—	—	—	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Không có chỗ đỗ xe			
(T.Hai~T.Sáu) 7:30~19:30 (T.Bảy) 7:30~18:30												

Khu vực Yabashira, Tokiwadaira

- Quét mã QR ở trang cuối cùng của Tài liệu hướng dẫn đăng ký nhà trẻ để xem bản đồ vị trí nhà trẻ.

Đây là danh sách tại thời điểm ngày 5 tháng 10 năm 2026. Chi tiết vui lòng liên hệ các cơ sở trông trẻ.

<Phân loại>「Công lập」Tp Matsudo thành lập 「Pháp nhân」Do trường học, tổ chức phúc lợi xã hội hoặc tổ chức tôn giáo thành lập

「Doanh nghiệp」Công ty cổ phần hoặc TNHH thành lập 「NPO」Do tổ chức phi lợi nhuận thành lập 「Cá nhân」Cá nhân thành lập

<Điều kiện độ tuổi> Điều kiện về tuổi chỉ tuổi tròn của trẻ tính đến ngày đầu tiên của tháng có nguyện vọng gửi trẻ. (Lớp theo tuổi được tính theo tuổi tại tời điểm ngày 01/04 của năm đăng l

<Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy> Việc giữ trẻ vào thứ Bảy sẽ được tổ chức chung tại địa điểm ghi trên tài liệu. Nơi có đánh dấu(※) nhận giữ trẻ cả vào dịp lễ Obon.

<Nhận giới thiệu> Là chế độ nhà trẻ quy mô nhỏ giới thiệu trẻ đang theo học tới nhà trẻ có nhận giới thiệu. Chi tiết vui lòng liên hệ với các nhà trẻ quy mô nhỏ.

Cơ sở giữ trẻ công lập

Khu vực Yabashira, Tokiwadaira

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ				Điện thoại (Mã vùng: 047)		
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục		Chỗ đỗ xe				
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết				Nhận giới thiệu			
10	Makinohara Hoikusho						Công lập	Makinohara 2-73				385-0997		
3 tuổi~5 tuổi	—	—	—	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Không có chỗ đỗ xe			
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00														
13	Yabashira Hoikusho						Công lập	Higurashi 4-5-2				392-2955		
6 tháng~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe 7 xe			
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00														
20	Matsuhidai Hoikusho						Công lập	Gokonishi 4-44-1				384-2421		
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe 4 xe			
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00														

Cơ sở giữ trẻ tư nhân

Khu vực Yabashira, Tokiwadaira

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ				Điện thoại (Mã vùng: 047)		
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục		Chỗ đỗ xe				
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết				Nhận giới thiệu			
2	Tokiwadaira Hoikuen						Pháp nhân	Tokiwadaira Nishikubocho 11-7				387-6762		
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe 4 xe			
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00														
104	Minoridai Hoikuen						Pháp nhân	Minoridai 2-12-1				362-5536		
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Không có chỗ đỗ xe			
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00														
108	Kosuzume Hoikuen						Pháp nhân	Higurashi 1-8-4				387-9874		
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe 4 xe			
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00														
110	Kanegasaku Hoikuen						Pháp nhân	Kanegasaku 306				385-8863		
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe 2 xe			
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00														
111	Hakkeidai Hoikuen						Pháp nhân	Matsudoshinden 605-58				364-7802		
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe 6 xe			
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00														

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)		
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu		
117	Misora Hoikuen						Pháp nhân	Kanegasaku 216-10		384-6959	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 12 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
138	Goko Kosuzume Hoikuen						Pháp nhân	Goko 2-35-8		712-2111	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 5 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
144	Tokiwadaira Eki Mae Nasaarii School						Pháp nhân	Tokiwadaira 3-1-1		394-0331	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Không có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu)7:00~19:30 (T.Bảy) 7:00~18:00											
151	Kosumosu No Oka Yabashira Hoikuen						Pháp nhân	Tokiwadaira Jinyamae 12-4		700-5154	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 7 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											

Nhà trẻ qui mô nhỏ

Khu vực Yabashira, Tokiwadaira

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ		Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu	
162	Kanegasaku Hoikuen Nanohana Room						Pháp nhân	Tokiwadaira 3-13-3 Suriabenyyuu 1F			701-5313
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe	3 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy) Kanegasaku Hoikuen				Nơi liên kết① Kanegasaku Hoikuen				
163	Hakkeidai Hoikuen Tanpopo Room						Pháp nhân	Matsudoshinden 373 Garden Bridge 106			710-8135
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe	2 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Hakkeidai Hoikuen				Nơi liên kết① Hakkeidai Hoikuen				
168	Hanamizuki Kodomoen Yabashira Room						Pháp nhân	Higurashi 2-3-15 Green Plaza Yabashira Dai-ichi 101			711-9155
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00							Nơi liên kết① Hanamizuki Kodomoen				
182	Kanegasaku Hoikuen Motoyama Eki Nanohana Room						Pháp nhân	Goko Minami 1-5-1 Keiseimatsudosen Motoyama Eki Biru 3F			712-2601
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00							Nơi liên kết① Kanegasaku Hoikuen				
183	Tokiwadaira Hoikuen Sakuranbo Room						Pháp nhân	Tokiwadaira 2-9-3 Clover Leaf 1F			702-3212
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe	1 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Tokiwadaira Hoikuen(✕)				Nơi liên kết① Tokiwadaira Hoikuen				
186	Hanamizuki Kodomoen Goko Room						Pháp nhân	Tokiwadaira 5-11-23 Inshuransu Biru 2 102			711-9975
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe	1 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Hanamizuki Kodomoen				Nơi liên kết① Hanamizuki Kodomoen				
190	Minoridai Enzeru Hoikuen						Doanh nghiệp	Minoridai 7-14-3 Enzeru 21 1F			368-3377
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00							Nơi liên kết① Minoridai Hoikuen		Nơi liên kết① Meiwa Yochien Nơi liên kết② Miyako Yochien		

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu
196	Higurashi Chuo Hoikuen						Doanh nghiệp	Higurashi 5-190 Dream Yabashira 2F	394-5558
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:30~18:30							Nơi liên kết① Tokiwadaira Eki Mae Naasarii School	Nơi liên kết① Yabashira Yochien	
200	Kids Room Izumi Matsudoshinden						Doanh nghiệp	Matsudoshinden 256-24 Nyuukusano 1F	703-7190
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00			(T.Bảy)Naasari School Izumu Shinmatsudo				Nơi liên kết① Naasari School Izumu Shinmatsudo	Nơi liên kết① Meiwa Yochien Nơi liên kết② Miyako Yochien	
1216	Higurashi Dai-ni Chuo Hoikuen						Doanh nghiệp	Higurashi 5-190 Dream Yabashira 1F	710-0522
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:30~18:30							Nơi liên kết① Tokiwadaira Eki Mae Naasarii School	Nơi liên kết① Yabashira Yochien	
1230	Yotsuba Room						Pháp nhân	Higurashi 3-10-42	711-9400
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 3 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Hakkeidai Hoikuen				Nơi liên kết① Hakkeidai Hoikuen		
1231	Enzeru Shirayuri Hoikuen Yabashira						Doanh nghiệp	Higurashi 3-2-1	391-3877
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00								Nơi liên kết① Meiwa Yochien Nơi liên kết② Yabashira Yochien	
1237	Yabashira Station Room						Pháp nhân	Higurashi 5-183 Someya Biru 1F	369-7128
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 3 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00							Nơi liên kết① Hanamizuki Kodomoen		
1247	Milky Home Goko En						Doanh nghiệp	Tokiwadaira 6-3-15	311-5500
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu)7:30~19:00 (T.Bảy)7:30~19:00								Nơi liên kết① Asahi Yochien Nơi liên kết② Tokiwadaira Yochien	
1250	Kokori no Mori Hoikuen Goko						Doanh nghiệp	Gokonishi 1-15-24	384-8788
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00								Nơi liên kết① Asahi Yochien	
1255	Higurashi Dai-san Chuo Hoikuen Yabashira Eki En						Doanh nghiệp	Higurashi 1-1-2 Yabashira Eki Dai-ichi Biru 2F Room B	701-7110
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:30~18:30							Nơi liên kết① Kosumosu No Oka Yabashira Hoikuen	Nơi liên kết① Yabashira Yochien	
1257	Mirai Matsudo Hoikuen						Pháp nhân	Tokiwadaira 7-31-26	383-0240
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00								Nơi liên kết① Asahi Yochien	
1258	Yuimaru Hoikuen Minoridai						Doanh nghiệp	Minoridai 7-58-16	711-7101
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 1 xe
(T.Hai~T.Sáu)7:30~18:30 (T.Bảy) 7:30~18:30							Nơi liên kết① Minoridai Hoikuen	Nơi liên kết① Meiwa Yochien	
1267	Kokori no Mori Hoikuen Goko Higashiguchi						Doanh nghiệp	Kanegasaku 408-318	711-8898
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00								Nơi liên kết① Kitaoka Yochien	

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe			
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
1272	Kosumosu Baby Room Tokiwadaira						Doanh nghiệp	Tokiwadaira 1-29-3 Tokiwadaira Eki Biru 2F Room D			711-9731	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục		Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00										Nơi liên kết① Kitaoka Yochien Nơi liên kết② Tokiwadaira Yochien		
1273	RuRi Matsudo Hoikuen						Doanh nghiệp	Tokiwadaira 3-10-1 Seven Town Tokiwadaira 207 Kukaku			711-6277	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục		Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00										Nơi liên kết① Kitaoka Yochien Nơi liên kết② Tokiwadaira Yochien		
1280	Kokori no Mori Hoikuen Tokiwadaira						Doanh nghiệp	Tokiwadaira 1-22-5			703-8880	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục		Không có chỗ đỗ xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00										Nơi liên kết① Takagi Yochien Nơi liên kết② Tokiwadaira Yochien		
1281	Asobi no Tensai Goko Higashi Hoikuen						Doanh nghiệp	Goko 6-1-9			712-2833	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe 1 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00										Nơi liên kết① Takagi Yochien		

Nhà trẻ phức hợp (Nintei Kodomoen)

Khu vực Yabashira, Tokiwadaira

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe			
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
1001	Nhà trẻ phức hợp Matsudo (Sendan Yochien)						Pháp nhân	Tokiwadaira 2-31-2			387-0875	
3 tuổi~5 tuổi	—	—	—	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Không có chỗ đỗ xe			
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00												
1003	Hanamizuki Kodomoen						Pháp nhân	Tokiwadaira 3-25-2			383-8731	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 12 xe			
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												
1004	Nhà trẻ phức hợp Tokyo (Maki no Hara Sendan Yochien)						Pháp nhân	Maki no Hara 2-5			385-0907	
3 tuổi~5 tuổi	—	—	—	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Không có chỗ đỗ xe			
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00												

○ Các cơ sở trông trẻ thường xuyên tổ chức tham quan nhà trẻ, vui lòng liên hệ trước qua điện thoại.

○ Quét mã QR ở trang cuối cùng của Tài liệu hướng dẫn đăng ký nhà trẻ để xem bản đồ vị trí nhà trẻ.

○ Đây là danh sách tại thời điểm ngày 5 tháng 10 năm 2026. Chi tiết vui lòng liên hệ các cơ sở trông trẻ.

<Phân loại> 「Công lập」 Tp Matsudo thành lập 「Pháp nhân」 Do trường học, tổ chức phúc lợi xã hội hoặc tổ chức tôn giáo thành lập
「Doanh nghiệp」 Công ty cổ phần hoặc TNHH thành lập 「NPO」 Do tổ chức phi lợi nhuận thành lập 「Cá nhân」 Cá nhân thành lập

<Điều kiện độ tuổi> Điều kiện về tuổi chỉ tuổi tròn của trẻ tính đến ngày đầu tiên của tháng có nguyện vọng gửi trẻ. (Lớp theo tuổi được tính theo tuổi tại thời điểm ngày 01/04 của năm đăng l

<Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy> Việc giữ trẻ vào thứ Bảy sẽ được tổ chức chung tại địa điểm ghi trên tài liệu. Nơi có đánh dấu(※) nhận giữ trẻ cả vào dịp Lễ Obon.

<Nhận giới thiệu> Là chế độ nhà trẻ quy mô nhỏ giới thiệu trẻ đang theo học tới nhà trẻ có nhận giới thiệu. Chi tiết vui lòng liên hệ với các nhà trẻ quy mô nhỏ.

Khu vực Higashimatsudo, Akiyama

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe			
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
8	Rikoudai Hoikusho						Công lập	Takatsukashinden 494-9			391-3710	
6 tháng~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe			
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												

Khu vực Higashimatsudo, Akiyama

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)		
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu		
124	Higashimatsudo Hoikuen						Pháp nhân	Kamishiki 3-8-11		387-4001	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 5 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
125	Globally Kids						Pháp nhân	Takatsukashinden 450-11		312-8228	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 7 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~20:00 (T.Bảy) 7:00~19:00											
127	Yuwa Hoikuen						Pháp nhân	Kamishiki 1194-4		711-6913	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 7 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
130	Nashi No Hana Hoikuen						Pháp nhân	Takatsukashinden 488-10		711-9880	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 10 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
134	Oto No Yurikago Hoikuen						Pháp nhân	Higashimatsudo 1-2-34		712-1056	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											
136	Ouka Hoikuen						Pháp nhân	Higashimatsudo 2-16-4		383-8555	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 7 xe		
(T.Hai~T.Sáu)7:30~19:30 (T.Bảy) 7:30~18:30											
137	Akiyama・Manabi No Hoikuen						Pháp nhân	Akiyama 2-5-1		710-8623	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 4 xe		
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe			
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
140	Toshin World Kids						Pháp nhân	Kamishiki 1-38-8			369-7775	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe 5 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~20:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												
142	Nagomi Hoikuen						Pháp nhân	Akiyama 45-2			710-7753	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe 5 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												

Nhà trẻ qui mô nhỏ

Khu vực Higashimatsudo, Akiyama

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ	Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe	
Giờ mở cửa			Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy				Cơ sở liên kết		Nhận giới thiệu	
193	Higashimatsudo Nikoniko Hoikuen						Doanh nghiệp	Higashimatsudo 1-2-3		710-3636
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 1 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00							Nơi liên kết① Akiyama・Manabi Hoikuen		Nơi liên kết① Takatsuka Yochien Nơi liên kết② Hongenji Yochien	
195	Hohoemi Hoikuen						Doanh nghiệp	Akiyama 1-11-10		312-7623
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00							Nơi liên kết① Nagomi Hoikuen		Nơi liên kết① Takatsuka Yochien Nơi liên kết② Hongenji Yochien	
1203	Dolce Room Matsuhidai						Pháp nhân	Kamishiki 1-29-5 Bên trong ga Matsuhidai tuyến Hokuso		388-5050
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Higashimatsudo Hoikuen (※)				Nơi liên kết① Yuwa Hoikuen Nơi liên kết② Oto No Yurikago Hoikuen Nơi liên kết③ Higashimatsudo Hoikuen		Nơi liên kết① Takatsuka Yochien Nơi liên kết② Hongenji Yochien	
1205	Hoikuen Otoginoshiro						Pháp nhân	Higashimatsudo 2-2-14		702-7770
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe	
(T.Hai~T.Sáu)7:30~19:30 (T.Bảy) 7:30~18:30			(T.Bảy)Kagayaki no Mori Yochisha				Nơi liên kết① Kagayaki no Mori Yochisha			
1213	Friend Kids Land Higashimatsudo En						Doanh nghiệp	Higashimatsudo 4-8-6		701-7695
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00									Nơi liên kết① Takatsuka Yochien Nơi liên kết② Hongenji Yochien Nơi liên kết③ Meiwa Yochien	
1222	Dolce Room Higashimatsudo						Pháp nhân	Higashimatsudo 3-6-11 ReLa Higashimatsudo 1F		712-0871
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Yuwa Hoikuen (※)				Nơi liên kết① Yuwa Hoikuen Nơi liên kết② Oto No Yurikago Hoikuen Nơi liên kết③ Higashimatsudo Hoikuen		Nơi liên kết① Takatsuka Yochien Nơi liên kết② Hongenji Yochien	
1226	Nashi no Hana Rainbow Room						Pháp nhân	Akiyama 2-3-3		701-8780
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 3 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Nashi No Hana Hoikuen				Nơi liên kết① Nashi No Hana Hoikuen			
1238	Dolce Room						Pháp nhân	Higashimatsudo 1-8-7 Regina Residence 1F		710-7371
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Oto No Yurikago Hoikuen (※)				Nơi liên kết① Yuwa Hoikuen Nơi liên kết② Oto No Yurikago Hoikuen Nơi liên kết③ Higashi matsudo Hoikuen		Nơi liên kết① Takatsuka Yochien Nơi liên kết② Hongenji Yochien	
1245	Kokori no Mori Hoikuen Higashimatsudo						Doanh nghiệp	Higashi Matsudo 4-9-1		392-0889
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 20 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00									Nơi liên kết① Hongenji Yochien Nơi liên kết② Meiwa Yochien	

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe			
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
1265	Dolce Room Kanon						Pháp nhân	Higashimatsudo 3-2-1 Alfrente 2F			711-8652	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Không có chỗ đỗ xe			
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00		(T.Bảy)Yuwa Hoikuen (※)					Nơi liên kết① Yuwa Hoikuen Nơi liên kết② Oto No Yurikago Hoikuen Nơi liên kết③ Higashimatsudo Hoikuen			Nơi liên kết① Takatsuka Yochien Nơi liên kết② Hongenji Yochien		
1270	Kokori no Mori Hoikuen Akiyama						Doanh nghiệp	Akiyama 1-12-12			701-8884	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 2 xe			
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00										Nơi liên kết① Takatsuka Yochien		

Nhà trẻ phức hợp (Nintei Kodomoen)

Khu vực Higashimatsudo, Akiyama

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục	Chỗ đỗ xe			
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
1002	Kagayaki no Mori Yochisha						Pháp nhân	Kamishiki 1080-1			710-0002	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe			4 xe
(T.Hai~T.Sáu)7:30~19:30 (T.Bảy) 7:30~18:30												
1006	Nhà trẻ phức hợp Kaze no oka						Pháp nhân	Oohashi 300-1			375-8440	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên	Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe			8 xe
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												

Khu vực Mutsumi

- Các cơ sở trông trẻ thường xuyên tổ chức tham quan nhà trẻ, vui lòng liên hệ trước qua điện thoại.
- Quét mã QR ở trang cuối cùng của Tài liệu hướng dẫn đăng ký nhà trẻ để xem bản đồ vị trí nhà trẻ.
- Đây là danh sách tại thời điểm ngày 5 tháng 10 năm 2026. Chi tiết vui lòng liên hệ các cơ sở trông trẻ.
- <Phân loại> 「Công lập」 Tp Matsudo thành lập 「Pháp nhân」 Do trường học, tổ chức phúc lợi xã hội hoặc tổ chức tôn giáo thành lập 「Doanh nghiệp」 Công ty cổ phần hoặc TNHH thành lập 「NPO」 Do tổ chức phi lợi nhuận thành lập 「Cá nhân」 Cá nhân thành lập
- <Điều kiện độ tuổi> Điều kiện về tuổi chỉ tuổi tròn của trẻ tính đến ngày đầu tiên của tháng có nguyện vọng gửi trẻ. (Lớp theo tuổi được tính theo tuổi tại tời điểm ngày 01/04 của năm đăng l
- <Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy> Việc giữ trẻ vào thứ Bảy sẽ được tổ chức chung tại địa điểm ghi trên tài liệu. Nơi có đánh dấu (※) nhận giữ trẻ cả vào dịp lễ Obon.
- <Nhận giới thiệu> Là chế độ nhà trẻ quy mô nhỏ giới thiệu trẻ đang theo học tới nhà trẻ có nhận giới thiệu. Chi tiết vui lòng liên hệ với các nhà trẻ quy mô nhỏ.

Cơ sở giữ trẻ công lập

Khu vực Mutsumi

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục		Chỗ đỗ xe	
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu	
9	Mutsumi Hoikusho						Công lập	Rokkodai 1-40			385-0998
6 tháng~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục	Có chỗ đỗ xe 3 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											

Cơ sở giữ trẻ tư nhân

Khu vực Mutsumi

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục		Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
123	Kozen Hoikuen						Pháp nhân	Mutsumi 5-1-1			311-3711	
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe 12 xe (dùng chung với Kozen Hoikuen Izumi)	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00												

Nhà trẻ qui mô nhỏ

Khu vực Mutsumi

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)	
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục		Chỗ đỗ xe		
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu		
184	Kozen Hoikuen Izumi						Pháp nhân	Mutsumi 5-1-6			387-5640	
1 tuổi~2 tuổi	—	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe 12 xe (dùng chung với Kozen Hoikuen)	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00			(T.Bảy)Kozen Hoikuen				Nơi liên kết① Kozen Hoikuen					
1251	Kokori no Mori Hoikuen Rokkodai						Doanh nghiệp	Rokkodai 8-41-1			311-7888	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe 4 xe (dùng chung Kokori no Mori Rokkodai Dai-ni)	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00										Nơi liên kết① Mutsumi Yochien		
1271	Kokori no Mori Hoikuen Rokkodai Dai-ni						Doanh nghiệp	Rokkodai 8-41-1			701-8688	
Sau nghỉ sinh~2 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	—	—	—	Không có sân trong khuôn viên		Không đồng phục		Có chỗ đỗ xe 4 xe (dùng chung Kokori no Mori Rokkodai)	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~19:00			(T.Bảy)Kokori no Mori Hoikuen Rokkodai							Nơi liên kết① Mutsumi Yochien		

Nhà trẻ phức hợp (Nintei Kodomoen)

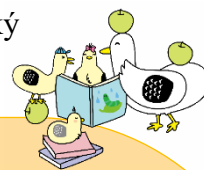
Khu vực Mutsumi

Mã số	Tên nhà trẻ						Phân loại	Địa chỉ			Điện thoại (Mã vùng: 047)
Điều kiện độ tuổi	Số lượng (tuổi của lớp nhận vào)						Sân chơi	Đồng phục		Chỗ đỗ xe	
Giờ mở cửa		Nơi giữ trẻ vào thứ Bảy					Cơ sở liên kết			Nhận giới thiệu	
1012	Takasago School Rokkodai						Pháp nhân	Mutsumi 6-13-2			394-5161
Sau nghỉ sinh~5 tuổi	0 tuổi	1 tuổi	2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Có sân trong khuôn viên		Có đồng phục	Có chỗ đỗ xe 7 xe	
(T.Hai~T.Sáu) 7:00~19:00 (T.Bảy) 7:00~18:00											

【10】 Gửi các phụ huynh đang tìm trường cho con

(1) Những điểm cần lưu ý khi đăng ký gửi trẻ

Quý phụ huynh vui lòng tham khảo các thông tin dưới đây khi làm thủ tục đăng ký gửi trẻ.



1. Khi chọn trường, hãy chọn theo nguyện vọng của mình hơn là theo tình trạng còn chỗ trống.

※Chúng tôi sẽ sắp xếp trường theo thứ tự nguyện vọng. Thứ tự nguyện vọng cao không có nghĩa là sẽ được ưu tiên hơn khi xét duyệt. Kể cả khi nghĩ rằng trường đó khó vào vì tỉ lệ cạnh tranh cao thì cũng cứ đăng ký theo thứ tự nguyện vọng.

2. Hãy cố gắng sắp xếp tới xem trường mà bạn có nguyện vọng muốn vào.

※Việc này tuy không ảnh hưởng tới quá trình xét duyệt nhưng do trẻ sẽ đi học hằng ngày ở đó nên hãy đến xem môi trường sinh hoạt và lộ trình đi lại.

3. Không chỉ nhà trẻ gần nhà hoặc gần ga gần nhất mà hãy bổ sung thêm nhà trẻ thuận tiện đi lại ở các ga gần khác hoặc ga gần nơi làm việc.

※Có thêm nguyện vọng thì chúng tôi có thể sắp xếp được với nhiều trường hơn nên khả năng trẻ được nhận sẽ cao hơn.

4. Trường hợp anh chị em của trẻ cùng đăng ký, vui lòng cân nhắc các điều kiện.

※Chúng tôi sẽ cố gắng để trẻ có thể học cùng trường với anh chị em, tuy nhiên nếu việc trẻ được nhận là ưu tiên hàng đầu thì nên đăng ký với điều kiện là “Ưu tiên học cùng trường (dù là trường có nguyện vọng thấp hơn) ※Có thể phải học khác trường” hoặc điều kiện “Ưu tiên vào trường có nguyện vọng cao (dù là khác trường)” để dễ được nhận hơn.

5. Với trẻ từ 0 ~ 2 tuổi, vui lòng cân nhắc Nhà trẻ quy mô nhỏ.

※Tại thành phố Matsudo có rất nhiều nhà trẻ quy mô nhỏ. Nếu đăng ký cả những nhà trẻ quy mô nhỏ thì khả năng vào sẽ cao hơn. Chi tiết vui lòng xem trang tiếp theo.

6. Với trẻ từ 3 ~ 5 tuổi, vui lòng cân nhắc cả trường mẫu giáo.

※Tại thành phố Matsudo có rất nhiều trường mẫu giáo nhận giữ trẻ nhiều giờ trong ngày. Có thể chọn trường để đảm bảo cả việc giáo dục con lẫn công việc của cha mẹ. Ngoài ra còn có chế độ hỗ trợ của thành phố để giảm chi phí gửi trẻ. Chi tiết vui lòng xem trang tiếp theo.

7. Trường hợp bảo lưu, vui lòng cân nhắc bổ sung thêm nguyện vọng mới từ tháng sau.

※Nếu có thay đổi hoặc bổ sung nguyện vọng, vui lòng làm thủ tục tại Hệ thống đăng ký trực tuyến của Matsudo. Hoặc tham khảo “Tình hình trống ở các trường” để đăng ký.

(2) Về nhà trẻ quy mô nhỏ *Shokibo shisetsu* và trường mẫu giáo *Yochien*

Tại thành phố Matsudo có rất nhiều nhà trẻ quy mô nhỏ, tuy nhiên có không ít phụ huynh lo lắng vì nhà trẻ quy mô nhỏ chỉ nhận trông trẻ đến 2 tuổi.

Nhiều phụ huynh nghĩ rằng sau khi con học ở nhà trẻ quy mô nhỏ thì sẽ gửi tiếp con sang nhà trẻ *Hoikusho* hoặc nhà trẻ phức hợp *Nintei Kodomoen*. Tuy nhiên, với nỗ lực đầu tư vào giáo dục mầm non, tại thành phố Matsudo có rất nhiều trường mẫu giáo nhận giữ trẻ nhiều giờ trong ngày. Thành phố cũng có chế độ hỗ trợ kinh phí để giảm bớt gánh nặng kinh tế cho gia đình.

Do chế độ này giúp đảm bảo việc cha mẹ vừa đi làm vừa nuôi dạy được con nên số gia đình chọn chuyển từ nhà trẻ quy mô nhỏ sang trường mẫu giáo tăng đều mỗi năm. Ngoài ra thành phố cũng áp dụng chế độ tiến cử lên trường mẫu giáo nên hãy nhân cơ hội này để sử dụng nhà trẻ quy mô nhỏ với tầm nhìn sẽ chuyển sang trường mẫu giáo.

① Về nhà trẻ quy mô nhỏ *Shokibo shisetsu*

○ Sức hấp dẫn của nhà trẻ quy mô nhỏ

- **Học phí rẻ**

Tiền học phí của nhà trẻ quy mô nhỏ thì rẻ hơn 20% so với tiền học phí của nhà trẻ.

- **Thuận tiện đi lại**

Rất nhiều nhà trẻ quy mô nhỏ nằm ở trước ga nên thuận tiện trên đường đi làm của cha mẹ.

- **Dễ quan sát trẻ**

Do trẻ được giữ trên cùng một mặt sàn nên tỉ lệ cô giữ trẻ trên diện tích phòng khá cao, giúp các cô dễ quan sát từng trẻ.

- **Sự trưởng thành chỉ có tại nhà trẻ quy mô nhỏ**

Tại nhà trẻ quy mô nhỏ, trẻ từ 0 đến 2 tuổi được giữ chung tại một phòng. Trẻ có thể trưởng thành từ việc bắt chước trẻ lớn tuổi hơn. Khi lên lớp lớn hơn thì cũng có ý thức mình là anh, là chị.

○ Cơ chế tiến cử lên trường mẫu giáo

Tại thành phố Matsudo, trường mẫu giáo nhận giữ trẻ nhiều giờ trong ngày và nhà trẻ quy mô nhỏ có liên kết với nhau và áp dụng chế độ tiến cử.

Chế độ tiến cử là chế độ dành cho trẻ đang được gửi tại nhà trẻ quy mô nhỏ (trẻ dự định tốt nghiệp) trong đó nhà trẻ quy mô nhỏ sẽ tiến cử trẻ lên trường mẫu giáo dựa trên chỉ tiêu của trường mẫu giáo. Nhờ có chế độ này mà có thể biết được thông tin của trường mẫu giáo liên kết, từ đó việc xin học tiếp sẽ thuận lợi hơn.

Gánh nặng xin cho con học mẫu giáo của cha mẹ sẽ được giảm bớt nên hãy tham khảo khi chọn nhà trẻ quy mô nhỏ.

※ Lưu ý không phải tất cả nhà trẻ quy mô nhỏ đều liên kết với trường mẫu giáo và áp dụng chế độ tiến cử. Về các trường mẫu giáo có liên kết với nhà trẻ quy mô nhỏ, vui lòng tham khảo trang 26 - 47, mục 【9】 Danh sách các nhà trẻ.

※ Chế độ tiến cử không cam kết việc trẻ sẽ vào được trường mẫu giáo. Dù sử dụng chế độ tiến cử thì trường mẫu giáo vẫn phải xét duyệt.

② Về trường mẫu giáo *Yochien*

○ Thời gian giữ trẻ tại trường mẫu giáo

Thời gian dạy học tại trường mẫu giáo về cơ bản là 4 tiếng/ngày nhưng tại Matsudo có nhiều trường mẫu giáo nhận giữ trẻ với số giờ nhiều hơn.

Hằng năm, ngày càng có nhiều gia đình chọn trường mẫu giáo để đảm bảo cả việc giáo dục con lẫn công việc của cha mẹ.

Về trường mẫu giáo và thời gian mở cửa (giữ trẻ), vui lòng quét mẫu QR ở bên phải.



○Về chế độ hỗ trợ học phí trường mẫu giáo tư nhân (chế độ riêng của Matsudo)

Để giảm bớt chi phí gửi trẻ cho phụ huynh, thành phố Matsudo có chế độ “Hỗ trợ phí gửi trẻ tại trường mẫu giáo tư tục tại Matsudo” – một chế độ riêng của thành phố. Phần hỗ trợ này sẽ giúp chi trả học phí mà chế độ hỗ trợ của nhà nước không thể trả hết với mức hỗ trợ tối đa là 30.000 yên/tháng.

Chi tiết về các cơ sở thuộc đối tượng, chế độ, cách thức đăng ký, vui lòng quét mã QR bên phải.



○Về trạm đưa đón trông giữ ở Matsudo

Trạm đưa đón và trông giữ là cơ sở thực hiện giữ trẻ trước và sau giờ học của trẻ tại trường mẫu giáo, nhằm đảm bảo số giờ giữ trẻ tương đương với nhà trẻ. Buổi sáng, trẻ sẽ được trông giữ tại trạm cho tới khi xe buýt của trường mẫu giáo đến đón, khi xe buýt của trường mẫu giáo tới thì trẻ sẽ được đưa đến tận trường mẫu giáo. Trong ngày, trẻ học tại trường mẫu giáo, buổi chiều trẻ lại được đưa về trạm bằng xe buýt của trường và được trông giữ tại đây cho tới khi cha mẹ đến đón.

Ngoài ra, mỗi trạm sẽ có các trường mẫu giáo chỉ định và cần phải đăng ký để sử dụng trạm. Vui lòng quét mã QR bên phải để biết thêm chi tiết.



(3) Về hệ thống tư vấn trực tuyến của thành phố Matsudo

Với nỗ lực xây dựng “Tòa thị chính ảo”, thành phố Matsudo áp dụng “Hệ thống tư vấn trực tuyến” với đầy đủ chức năng từ đặt hẹn đến tư vấn qua hình thức họp trực tuyến trên điện thoại

thông minh, máy tính bảng...v.v..của quý phụ huynh mà không cần phải tải ứng dụng nào.

Quý phụ huynh có thể tư vấn với nhân viên giống như tư vấn tại quầy của Ban chăm sóc trẻ em *Hoikuka* mà không cần đến trực tiếp Tòa thị chính. Hệ thống được đảm bảo bảo mật nên quý phụ huynh có thể yên tâm tư vấn nội dung gồm có thông tin cá nhân.

Người muốn ngồi tại nhà nghe tư vấn, người có dự định chuyển đến Matsudo nhưng sống ở nơi xa, không thể đến Tòa thị chính Matsudo thì hãy sử dụng hệ thống này.

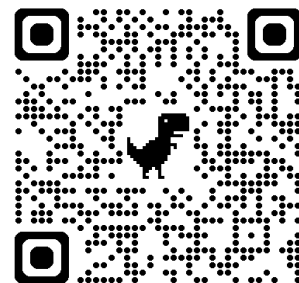
※ “Tòa thị chính ảo” là nền tảng kết nối với người dân để cung cấp thông tin và thủ tục dễ hiểu, phù hợp mà người dân cần, từ đó giảm tỉ lệ người dân phải đến Tòa thị chính.

Trình tự từ khi đặt hẹn đến tư vấn

- ① Chọn ngày trên lịch hẹn từ mục “Cửa sổ tư vấn trực tuyến liên quan đến việc đăng ký nhà trẻ” từ trang web của thành phố.
- ② Điền các thông tin cần thiết vào mẫu đặt hẹn (Họ và tên, địa chỉ email, nội dung tư vấn, các mục cần xác nhận trước...v.v..)
- ③ Sau khi nhập thông tin xong, hệ thống sẽ tự động gửi email về địa chỉ email đã nhập, vui lòng truy cập vào đường dẫn trong email để hoàn tất việc đặt hẹn.
- ④ Sau khi việc đặt hẹn hoàn tất, hệ thống sẽ tự động gửi email cho người đăng ký. Trong email có ghi đường dẫn ① “Mời vào phòng” để truy cập vào phòng tư vấn trực tuyến.
- ⑤ 24 giờ trước ngày tư vấn, hệ thống sẽ tự động gửi email nhắc.
- ⑥ Vào ngày tư vấn, truy cập đường dẫn “Mời vào phòng” để gặp nhân viên.
 - Có thể trao đổi bằng cách gõ để chat.
※ Người đang ở nơi không tiện nói chuyện thì có thể trao đổi bằng chat.
 - Có thể vừa nghe tư vấn vừa xem tài liệu nhân viên đưa bằng điện thoại.
※ Có thể tải và lưu lại tài liệu
 - Nếu quý phụ huynh chuẩn bị trước dữ liệu bằng hình ảnh thì có thể thảo luận về tài liệu mà quý phụ huynh cung cấp.
 - Cha và mẹ có thể truy cập từ điện thoại hoặc máy tính khác nhau để nghe tư vấn cùng lúc.



Hệ thống tư vấn trực tuyến



【1 1】 Thông tin về Nhà trẻ, Mẫu giáo và các dịch vụ khác

Danh sách Nhà trẻ Hoikusho (en),
Nhà trẻ quy mô nhỏ Shokibo Hoiku
Jigyo, Nhà trẻ phức hợp Nintei
Kodomoen



Bản đồ các cơ sở giữ trẻ
(Koko de saachi)



Bản đồ các cơ sở gửi trẻ
(Yasa City Map)



Hướng dẫn đăng ký các cơ sở
giữ trẻ



Đăng ký trực tuyến
(MyNa Portal)



Dịch vụ đăng ký trừ tiền từ tài
khoản trên trang web



Cửa sổ tư vấn trực tuyến về việc
đăng ký gửi trẻ



Danh sách trường mẫu giáo tại
Matsudo



Thủ tục vào trường mẫu giáo



Về trợ cấp giáo dục, trông trẻ



Về hỗ trợ học phí trường mẫu gi
áo tư nhân (chế độ riêng của
Matsudo)



Về yêu cầu thanh toán tiền hỗ trợ
phí gửi trẻ tại trường tư, phí sử
dụng các cơ sở gửi trẻ (phí gửi trẻ)



Về trạm đưa đón, trông giữ



Tài khoản LINE về Nuôi dạy trẻ
tại Matsudo



Hệ thống đăng ký trực tuyến
của thành phố Matsudo



Giới thiệu các cơ sở giữ trẻ bị ốm hoặc mới phục hồi

■ Các cơ sở giữ trẻ bị ốm hoặc mới phục hồi

Khi trẻ bị ốm hoặc đang trong quá trình phục hồi nhưng không thể gửi trẻ ở nhà trẻ tập thể hoặc trông tại nhà, thì có thể gửi tạm thời tại các cơ sở này.

■ Trẻ thuộc đối tượng: Từ 57 ngày tuổi ~ lớp 6 tiểu học

■ Phí gửi trẻ

(Cư dân Matsudo) Trong vòng 4 tiếng: 1.200 yên Tiếp theo: 300 yên/giờ (Khác) Trong vòng 4 tiếng: 1.800 yên Tiếp theo: 450 yên/giờ

■ Danh sách các cơ sở giữ trẻ

Tên cơ sở (Tên cơ sở y tế liên kết)	Địa chỉ, SĐT	Ga gần nhất	Thời gian giữ ※Nghỉ: ngày lễ, tết
Niko Niko Room (Phòng khám Waza) ※Cùng tòa nhà với phòng khám	Tầng 5 Tòa nhà Waseda, 13 Saiwaicho, Nishimabashi 047-347-2525	Ga Mabashi	Thứ Hai – Ba – Năm – Sáu 8:30 ~ 18:00 Thứ Bảy 8:30 ~ 17:00
Lapport Matsudo	Tầng 1, Tòa nhà Matsudo Toshio, 14-18 Honcho 047-382-6877	Ga Matsudo	Thứ Hai đến thứ Sáu 8:30 ~ 18:30
Nhà trẻ Himawari (Bệnh viện đa khoa trung ương Shinmatsudo) ※Cùng tòa nhà với bệnh viện	Phòng 102 Tòa nhà Sophia Shinmatsudo, 1-192 Shinmatsudo 047-309-6622	Ga Shinmatsudo	Thứ Hai đến thứ Sáu 8:30 ~ 18:30
Sukoyaka Room (Phòng khám nhi Higashimatsudo) ※Cùng tòa nhà với phòng khám	2-27-1 Higashimatsudo 047-391-7003	Ga Higashimatsudo	Thứ Hai đến thứ Sáu 8:30 ~ 18:00
Lapport Yabashira	Tầng 1, Tòa nhà Someya, 5-183 Higurashi 047-393-8688	Ga Yabashira	Thứ Hai đến thứ Sáu 8:30 ~ 18:30

■ Cách sử dụng

※ Tùy cơ sở mà cách gửi trẻ có thể khác nhau. Chi tiết vui lòng liên hệ trước với cơ sở giữ trẻ.

1. Đăng ký thành viên: Để sử dụng, cần phải làm thủ tục đăng ký thành viên trước. Khi đăng ký, hãy liên lạc trước với cơ sở.

2. Đăng ký sử dụng:

① Trước ngày định sử dụng, gọi điện đến cơ sở giữ trẻ để đặt hẹn. Lưu ý gọi trong thời gian cơ sở mở cửa. ※Niko Niko Room cũng nhận đăng ký trực tuyến (WEB)

② Với cơ sở Sukoyaka Room, vui lòng đặt hẹn trực tuyến từ trang “TEOTE” (テオテ) dành cho dịch vụ giữ trẻ bị ốm.

3. Khám bệnh:

Nếu gửi trẻ ở Niko Niko Room, nhà trẻ Himawari, Sukoyaka Room thì đưa con tới phòng khám cùng tòa nhà vào cùng ngày gửi trẻ.

Nếu gửi trẻ ở Lapport Matsudo, Lapport Yabashira thì khám với bác sĩ hợp tác hoặc bác sĩ gia đình vào cùng ngày gửi trẻ.

4. Sử dụng: Vào ngày đặt hẹn, xuất trình phiếu đăng ký sử dụng, thanh toán tiền và gửi trẻ.

■ Lưu ý

- Tùy tình trạng bệnh của trẻ (nhiễm corona, sởi, thủy đậu....) mà có TH không thể gửi trẻ.
- Trong quá trình giữ trẻ, nếu sức khỏe của trẻ xấu đi thì có thể chúng ta sẽ liên lạc yêu cầu đón trẻ về.
- Để biết thêm chi tiết, vui lòng tham khảo trang web của thành phố bằng cách quét mã QR bên phải.

■ Liên hệ

Ban hỗ trợ tương lai trẻ em thành phố Matsudo 047-366-7347



Trang web Tp Matsudo